

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH DOANH QUỐC TẾ

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 7340120

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tân Tạo;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Tạo;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-ĐHTT.24 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Tạo;

Căn cứ Biên bản họp ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua các Chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật của Trường Đại học Tân Tạo;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Tạo.

Điều 2. Các chương trình đào tạo ban hành tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Phòng Quản lý đào tạo, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Mai Lâm



MỤC LỤC	
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	4
2. Thông tin về Chương trình Đào tạo.....	4
2.1. Căn cứ pháp lý	4
2.2. Thông tin về chương trình đào tạo	5
3. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục	5
3.1. Sứ mạng.....	5
3.2. Tầm nhìn	5
3.3. Giá trị cốt lõi.....	6
3.4. Triết lý giáo dục: Khai phóng – Học suốt đời.	6
4. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	7
4.1. Mục tiêu chung:.....	7
4.2. Mục tiêu cụ thể (PO)	7
5. Chuẩn đầu ra (PLO).....	8
5.1. Chuẩn đầu ra của kiến thức:.....	8
5.2. Chuẩn đầu ra của kỹ năng.....	9
5.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	10
6. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp.....	12
7. Cơ hội học tập và nâng cao trình độ.....	12
8. Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp.....	12
9. Chuẩn đầu vào.....	13
9.1. Điều kiện dự tuyển.....	13
9.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển	14
9.3. Điều kiện trúng tuyển	14
10. Khối lượng học tập	14
11. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo	15
11.1. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo	15
11.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	22
11.3. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và các môn học	29
13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	70
13.1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	70
13.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá:	96

13.2.1. Các học phần lý thuyết:	96
13.2.3. Cách thức đánh giá:	96
13.3. Thang điểm đánh giá	96
13.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với phương pháp kiểm tra, đánh giá.	98
14. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	98
14.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy.....	99
14.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	99
14.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.....	99
14.4. Chuẩn hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế	99
14.5. Gắn kết đào tạo với thực tiễn và quốc tế hóa hoạt động giảng dạy	100
15. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	100
15.1. Thông tin tuyển sinh	100
15.2. Quy trình đào tạo.....	100
15.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	100
16. Các chương trình đào tạo đã đối sánh	101
17. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo	101
17.1. Đội ngũ giảng viên	101
17.2. Cơ sở vật chất.....	101
18. Tóm tắt nội dung học phần	103
PHẦN II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH	141
1. Các môn học chung	141
2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa... ..	141
3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, học phần	141
4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp.....	141
4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	141
4.2. Công nhận tốt nghiệp	141
5. Các chú ý khác:	142

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế của Trường Đại học Tân Tạo (ĐHTT) được thiết kế kết hợp giữa kiến thức học thuật vững chắc và thực tiễn. người học sẽ được trang bị các môn học cốt lõi như Quản trị chiến lược toàn cầu, Marketing quốc tế, Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu, Thương mại quốc tế,... Chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt, với giảng viên có kinh nghiệm và các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp đa quốc gia. Trường ĐHTT kỳ vọng sẽ đào tạo những người học sáng tạo, có tư duy chiến lược, tinh thần khởi nghiệp và năng lực hội nhập toàn cầu.

2. Thông tin về Chương trình Đào tạo

2.1. Căn cứ pháp lý

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học của Trường ĐHTT được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về điều kiện,

thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường ĐHTT về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT.

2.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: KINH DOANH QUỐC TẾ
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: INTERNATIONAL BUSINESS
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340120
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Số tín chỉ: 130 tín chỉ, chưa bao gồm các môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Kỹ năng mềm.
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/ Đại học
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

3. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục

3.1. Sứ mạng

Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.

3.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới.

3.3. Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng trong nước và quốc tế)

Hợp tác (trong mọi hoạt động)

Nỗ lực (để cùng hướng tới việc xây dựng một ĐHTT phát triển bền vững)

Chất lượng (đạt chuẩn trong nước và quốc tế)

Sáng tạo (sự khác biệt có giá trị)

Tôn trọng (bản thân, các quyền của cộng đồng)

Lãnh đạo (bản thân, nhóm và tổ chức/doanh nghiệp)

3.4. Triết lý giáo dục: Khai phóng – Học suốt đời.

Khai phóng: Triết lý giáo dục khai phóng dựa trên nền tảng kiến thức toàn diện và đa chiều trong nhiều lĩnh vực về khoa học xã hội, nhân văn và khoa học tự nhiên trước khi đi sâu vào một chuyên ngành. Với 25% môn học khai phóng được nghiên cứu, chọn lọc và tổng hợp từ các ngành khác nhau trong toàn bộ chương trình học, trên tinh thần tự do tư duy - tự do suy nghĩ để tự do lựa chọn giúp rèn luyện cho người học khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong những môi trường mới. Do vậy, chương trình đào tạo của ĐHTT xây dựng một lợi thế cạnh tranh vượt bậc cho người học trong những công việc đòi hỏi sự đổi mới liên tục hoặc tự học hỏi một lĩnh vực khác chuyên môn khi cần thiết.

Học suốt đời: người học tốt nghiệp Trường ĐHTT sẽ là những người tích cực học hỏi và học hỏi suốt đời, nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và hoàn thiện bản thân để làm việc suốt đời, cụ thể:

- Thích nghi với việc học tập không ngừng để tìm cách hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau;
- Chủ động xây dựng mục tiêu học tập, mục tiêu cuộc đời;
- Áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt, phù hợp và ý nghĩa;
- Thể hiện một sự cam kết duy trì và liên tục học tập các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp và các vấn đề cá nhân;
- Lắng nghe, thấu hiểu, hội nhập với bản sắc riêng và nỗ lực liên tục để thành công bền vững trong sự nghiệp.

4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế của Trường Đại học Tân Tạo hướng đến việc hình thành những con người có tư duy khai phóng, trung thực, sáng tạo, có năng lực tự học suốt đời và ý thức trách nhiệm xã hội cao. Người học được trang bị kiến thức toàn diện về kinh doanh quốc tế, cùng các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu như giao tiếp đa văn hóa, đàm phán, tư duy phản biện và sử dụng công nghệ hiện đại. Chương trình nhấn mạnh các giá trị phát triển bền vững và khả năng thích ứng với xu thế chuyển đổi số, giúp người học sẵn sàng đảm nhiệm công việc tại các doanh nghiệp đa quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc tự khởi nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có nền tảng vững chắc để tiếp tục học tập ở bậc cao hơn, đảm nhận vai trò lãnh đạo tổ chức và đóng góp tích cực cho xã hội.

4.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

a. Về kiến thức:

PO1: Hiểu và vận dụng các kiến thức cốt lõi về kinh doanh quốc tế, bao gồm thương mại toàn cầu, tài chính quốc tế, marketing quốc tế, logistics và quản trị chiến lược trong môi trường đa quốc gia.

PO2: Nhận diện và áp dụng các xu hướng toàn cầu (phát triển bền vững, kinh doanh xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số) vào hoạch định và triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế.

b. Về kỹ năng:

PO3: Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp và đàm phán trong môi trường đa văn hóa.

PO4: Vận dụng công nghệ và phương pháp phân tích dữ liệu kinh doanh để hỗ trợ ra quyết định, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả hoạt động trong môi trường kinh doanh quốc tế.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO5: Hình thành năng lực tự học, tự chủ và thích nghi, giúp người học xây dựng kế hoạch học tập và nghề nghiệp phù hợp trong bối cảnh toàn cầu biến đổi nhanh chóng.

PO6: Nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, cùng khả năng lãnh đạo bản thân, nhóm và tổ chức theo định hướng phát triển bền vững, khai phóng và tôn trọng sự đa dạng văn hóa..

5. Chuẩn đầu ra (PLO)

5.1. Chuẩn đầu ra của kiến thức:

Thang đo Bloom về chuẩn đầu ra của kiến thức

Thang đo	Giải thích
1	Nhớ: Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc... đã được học ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.
2	Hiểu: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.
3	Vận dụng: Người học có khả năng áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, một điều kiện mới
4	Phân tích: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc.
5	Đánh giá: Người học có khả năng đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có.
6	Sáng tạo: Đạt được cấp độ nhận thức cao nhất này người học có khả năng tạo ra cái mới, xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có.

Chuẩn đầu ra về kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nội dung	Thang đo Bloom	Vị trí việc làm
PLO1	Áp dụng kiến thức về thương mại toàn cầu và tài chính quốc tế vào phân tích các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong môi trường đa quốc gia.	3	Nhân viên xuất nhập khẩu Nhân viên phát triển thị trường quốc tế

PLO2	Vận dụng các nguyên lý marketing và kinh doanh quốc tế để xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường nước ngoài phù hợp với đặc điểm văn hóa và hành vi tiêu dùng địa phương.	3	Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài
PLO3	Áp dụng các mô hình logistics và quản trị chuỗi cung ứng để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giao thương xuyên biên giới.	3	Nhân viên logistics quốc tế Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng
PLO4	Vận dụng kiến thức về phát triển bền vững và kinh doanh xanh vào việc hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp với xu hướng toàn cầu và yêu cầu của nền kinh tế tuần hoàn.	3	Nhân viên hoạch định chiến lược xanh Nhân viên phát triển thị trường quốc tế

5.2. Chuẩn đầu ra của kỹ năng

Thang đo Bloom về chuẩn đầu ra của kỹ năng

Thang đo	Giải thích
1	Bắt chước: Quan sát người khác và làm theo, thường dựa trên hướng dẫn hoặc mẫu có sẵn
2	Thao tác: Thực hiện kỹ năng dựa trên hướng dẫn hoặc trí nhớ, có sự điều chỉnh nhẹ
3	Phản ứng chính xác: Thực hiện kỹ năng một cách chính xác, ít lỗi hơn, có thể thực hiện mà không cần giám sát.
4	Phối hợp: Phối hợp nhiều kỹ năng khác nhau để thực hiện hành động phức tạp một cách nhịp nhàng và hiệu quả.
5	Tự động hóa: Thực hiện kỹ năng một cách tự động, không cần suy nghĩ, có thể điều chỉnh linh hoạt trong mọi tình huống.

Chuẩn đầu ra về kỹ năng

Chuẩn đầu ra	Nội dung	Mức độ (Thang đo Bloom)	Vị trí việc làm
PLO5	Thực hiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa.	3	Nhân viên xuất nhập khẩu Nhân viên phát triển thị trường quốc tế
PLO6	Áp dụng kỹ năng tư duy phản biện để xử lý và đưa ra giải pháp cho các tình huống kinh doanh quốc tế thực tiễn.	3	Nhân viên phát triển thị trường quốc tế Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài
PLO7	Thực hiện đàm phán kinh doanh quốc tế một cách chuyên nghiệp, phù hợp với đặc điểm văn hóa đối tác.	3	Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng Nhân viên phát triển thị trường quốc tế
PLO8	Sử dụng công nghệ và công cụ phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định và tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	3	Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài

5.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thang đo Bloom về CDR của Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Thang đo	Giải thích
1	Tiếp nhận: Người học thể hiện sự chú ý, sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới
2	Đáp ứng: Người học tích cực tham gia vào hoạt động, thể hiện sự quan tâm
3	Đánh giá: Người học bắt đầu đánh giá, trân trọng và xem trọng giá trị của kiến thức
4	Tổ chức: Người học xây dựng hệ thống giá trị cá nhân, liên kết kiến thức với quan điểm của mình

Thang đo	Giải thích
5	Hình thành đặc điểm nhân cách: Người học biến giá trị thành niềm tin cốt lõi, ảnh hưởng đến hành vi lâu dài

Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Chuẩn đầu ra	Nội dung	Mức độ (Thang đo Bloom)	Vị trí việc làm
PLO9	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, chủ động học tập suốt đời và thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu.	3	Nhân viên phát triển thị trường quốc tế
PLO10	Xây dựng tác phong chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động kinh doanh quốc tế.	3	Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng Nhân viên hoạch định chiến lược xanh
PLO11	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	3	Nhân viên xuất nhập khẩu, quản lý chuỗi cung ứng
PLO12	Hình thành bản sắc nghề nghiệp gắn với giá trị bền vững và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.	3	Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài

** Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLOs)											
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	X	X										
PO2			X	X								
PO3					X	X						
PO4							X	X				
PO5									X	X		
PO6											X	X

6. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Ma trận kết nối giữa vị trí việc làm và chuẩn đầu ra của chương trình Kinh doanh quốc tế

Vị trí việc làm	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
Nhân viên xuất nhập khẩu	M				M						M	
Nhân viên phát triển thị trường quốc tế	M			M	M	M	M		M			
Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài		M				M		M				M
Nhân viên logistics quốc tế			M									
Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng			M				M			M	M	
Nhân viên hoạch định chiến lược xanh				M						M		

Mức độ thể hiện bằng ba cấp độ:

- **H (High):** Mức độ kết nối cao
- **M (Medium):** Mức độ kết nối trung bình
- **L (Low):** Mức độ kết nối thấp

7. Cơ hội học tập và nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp chương trình ngành Kinh doanh quốc tế tại Trường ĐHTT, người học có nhiều cơ hội học tập và nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn. Với nền tảng kiến thức chuyên sâu về kinh doanh, quản trị, thương mại quốc tế cùng khả năng sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin, người học có thể tiếp tục theo học các chương trình thạc sĩ trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, việc tích lũy được phương pháp tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu và kỹ năng mềm trong quá trình học giúp người học dễ dàng thích nghi và phát triển trong môi trường học thuật và nghiên cứu.

8. Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp

TT	Vị trí việc làm	Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp
1	Nhân viên xuất nhập khẩu	Doanh nghiệp xuất nhập khẩu, công ty logistics, văn phòng đại diện thương mại quốc tế

TT	Vị trí việc làm	Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp
2	Nhân viên phát triển thị trường quốc tế	Công ty đa quốc gia (MNCs), Công ty đầu tư nước ngoài (FDI), Các tổ chức xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm quốc tế, tổ chức xúc tiến thương mại
3	Nhân viên nghiên cứu thị trường nước ngoài	Công ty marketing quốc tế, viện nghiên cứu kinh tế, công ty tư vấn chiến lược
4	Nhân viên logistics quốc tế	Doanh nghiệp vận tải – logistics, công ty dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế
5	Nhân viên quản lý chuỗi cung ứng	Tập đoàn sản xuất – phân phối đa quốc gia, công ty thương mại toàn cầu
6	Nhân viên hoạch định chiến lược xanh	Tổ chức phát triển bền vững, doanh nghiệp ESG, công ty tư vấn giải pháp kinh doanh tuần hoàn

Người học tốt nghiệp chương trình ngành Kinh doanh quốc tế tại Trường ĐHTT có thể làm việc tại nhiều loại hình doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước. Cơ hội việc làm đa dạng trải rộng ở các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, công ty đa quốc gia, các tổ chức xúc tiến thương mại, công ty logistics – vận tải quốc tế, tập đoàn sản xuất và phân phối, doanh nghiệp thương mại điện tử xuyên biên giới, và các tổ chức phát triển bền vững. Với kiến thức nền tảng vững chắc, kỹ năng chuyên môn và năng lực tự chủ – trách nhiệm, người học có thể đảm nhiệm nhiều vị trí như: nhân viên xuất nhập khẩu, nghiên cứu thị trường nước ngoài, marketing quốc tế, logistics, điều phối chuỗi cung ứng, phát triển thị trường hoặc hoạch định chiến lược kinh doanh xanh.

9. Chuẩn đầu vào

9.1. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức chính quy hoặc giáo dục thường xuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Không trong thời gian bị kỷ luật từ các trường đại học, cao đẳng khác hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

Trường ĐHTT áp dụng phương thức xét tuyển học bạ THPT và/hoặc xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia.

Ngoài ra, có thể xét tuyển dựa vào các phương thức khác theo quy định và thông báo tuyển sinh của trường từng năm học.

9.3. Điều kiện trúng tuyển

Đối với xét học bạ: Thực hiện theo quy định xét tuyển của nhà trường.

Đối với xét điểm thi tốt nghiệp THPT: Điểm tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng điểm tối thiểu theo quy định của Trường và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành.

Thí sinh cần hoàn tất đầy đủ hồ sơ xét tuyển và nộp đúng thời gian theo kế hoạch của Trường ĐHTT.

10. Khối lượng học tập

TT	TÊN HỌC PHẦN	Dự kiến điều chỉnh
Thời gian đào tạo		4 năm
Số học kỳ		8 học kỳ
Chương trình đào tạo áp dụng từ khóa 2025-2029		Tín chỉ
Tổng số tín chỉ		130
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	45
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	75
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	24
	- Kiến thức cơ sở ngành	24
	- Kiến thức ngành bắt buộc	21
	- Kiến thức ngành tự chọn	6
3	<i>Thực tập khóa luận (hoặc học phần thay thế khóa luận)</i>	10

- Số lượng học phần: 42-45 học phần (Không kể các học phần bắt buộc nhưng không tích lũy tín chỉ tốt nghiệp).

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 130 tín chỉ
- Tỷ lệ các học phần chung/ đại cương trên tổng khối lượng kiến thức toàn khóa chiếm: 15 tín chỉ, 11,54%;
- Tỷ lệ các học phần Ngoại ngữ trên tổng khối lượng kiến thức toàn khóa chiếm: 12 tín chỉ, 9,23%;
- Tỷ lệ các học phần đào tạo nền tảng giáo dục khai phóng trên tổng khối lượng kiến thức toàn khóa chiếm: 18 tín chỉ, 13,85%;
- Tỷ lệ các học phần Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trên tổng khối lượng kiến thức toàn khóa chiếm: 75 tín chỉ, 57,69%;
- Tỷ lệ các học phần Kiến thức Tốt nghiệp trên tổng khối lượng kiến thức toàn khóa chiếm: 10 tín chỉ, 7,69%.

11. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

11.1. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education Courses</i>			15			
1	MACL1101	Triết học Mác – Lênin <i>Basic Principles of Marxism-Leninism</i>	3	45	45	0
2	MACL1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economy Marx and Lenin</i>	2	30	30	0
3	MACL1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	30	0
4	MACL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Thought</i>	2	30	30	0
5	MACL1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Way of Vietnam Communist Party</i>	2	30	30	0
6	GEN1101	Pháp Luật đại cương	2	30	30	0

		<i>Fundamentals of law</i>				
7	GEN1102	Năng lực số <i>Digital Literacy</i>	2	30	30	0
GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG AN NINH <i>Physical Education and National Defence</i>			11			
1	PHY1101*	Giáo dục thể chất 1* <i>Physical Education 1*</i>	1	15	0	15
2	PHY1102*	Giáo dục thể chất 2* <i>Physical Education 2*</i>	1	15	0	15
3	PHY1103*	Giáo dục thể chất 3* <i>Physical Education 3*</i>	1	15	0	15
4	GEN1103*	Giáo dục quốc phòng – An ninh* <i>National Defense & Security Education*</i>	8	120	0	120
NGOẠI NGỮ <i>Foreign Languages</i>			12			
1	ESL1101	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4	60	60	0
2	ESL1102	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4	60	60	0
3	ESL1103	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4	60	60	0
5	ESL1105*	Tiếng Anh tăng cường 1* <i>Intensive English 1*</i>	2	30	30	0
6	ESL1106*	Tiếng Anh tăng cường 2* <i>Intensive English 2*</i>	2	30	30	0
7	ESL1107*	Tiếng Anh tăng cường 3* <i>Intensive English 3*</i>	2	30	30	0
KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC KHÔNG TÍNH TÍN CHỈ TỐT NGHIỆP <i>Compulsory Non-graduation-credit Courses</i>			4			

1	GEN1105*	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2	30	30	0
2	GEN2104*	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo* <i>Entrepreneurship and Innovation*</i>	2	30	30	0
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NỀN TẢNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC KHAI PHÓNG <i>Foundational Liberal Education Program</i>			18			
Nhóm I: Văn minh nhân loại <i>Humanity Civilization courses</i>						
1	CIV1001	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	45	45	0
2	CIV1002	Thời hiện đại <i>Modern World</i>	3	45	45	0
Nhóm II: Văn hóa, văn học và nghệ thuật <i>Culture, Literature and Art</i>						
1	CLA1001	Nhập môn Văn hóa học <i>Introduction to Cultural Studies</i>	3	45	45	0
2	CLA1002	Nghệ thuật đương đại <i>Contemporary Art</i>	3	45	45	0
3	CLA1003	Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu <i>Vietnamese and other world classic cultures</i>	3	45	45	0
4	CLA1004	Văn hóa và văn học <i>Culture and Literature</i>	3	45	45	0
Nhóm III: Tư duy và giao tiếp <i>Ideals and Communication courses</i>						
1	CTC2001	Viết luận và ý tưởng <i>Writing and Ideas</i>	3	45	45	0

2	CTC2002	Nghệ thuật lãnh đạo và giao tiếp <i>Leadership and Communication</i>	3	45	45	0
3	CTC2003	Ngôn ngữ và Tiếng Việt <i>Languages and Vietnamese</i>	3	45	45	0
Nhóm IV: Con người và trái đất <i>Human and Earth</i>						
1	HUE2001	Con người và môi trường <i>Human and Environmental Interaction</i>	3	45	45	0
2	HUE2002	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	3	45	45	0
Nhóm V: Khoa học tự nhiên và công nghệ <i>Natural Science and Technology courses</i>						
1	NST3001	Toán đại cương <i>Calculus I</i>	3	45	45	0
2	NST3002	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python <i>Introduction to data science with Python</i>	3	45	45	0
3	NST3003	Thiết kế kỹ thuật <i>Engineering Design</i>	3	45	45	0
Nhóm VI: Kinh tế và quản lý <i>Economics and Management courses</i>						
1	ECM3001	Nguyên lý Kinh tế học <i>Principle of Economics</i>	3	45	45	0
2	ECM3002	Quản trị Văn phòng <i>Administrative Office Management</i>	3	45	45	0
3	ECM3003	Quản lý tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	45	45	0
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Major courses</i>						
Kiến thức cơ sở khối ngành <i>Disciplinary Foundation Courses</i>			24			
1	BA1101	Nhập môn quản trị học	3	45	45	0

		<i>Introduction to Management</i>				
2	BA1102	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	45	45	0
3	BA2103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	45	45	0
4	BA2106	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	45	45	0
5	BA2105	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	45	45	0
6	BA3107	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	45	45	0
7	BA2108	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	45	45	0
8	BA2104	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	3	45	45	0
Kiến thức cơ sở ngành Major Foundation Courses			24			
1	IB2101	Kinh tế học quốc tế <i>International Economics</i>	3	45	45	0
2	IB3102	Quản trị Kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3	45	45	0
3	IB3103	Hệ thống thông tin trong kinh doanh <i>Business Information System</i>	3	45	45	0
4	IB1104	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	45	45	0
5	IB3105	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	45	45	0
6	IB2106	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	45	45	0
7	IB4107	Kinh tế lượng	3	45	45	0

		<i>Econometrics</i>				
8	IB4108	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	45	45	0
Kiến thức chuyên ngành <i>Major Specialized Courses</i>			27			
Học phần bắt buộc <i>Compulsory Courses</i>			21			
1	IB3109	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	45	45	0
2	IB4110	Quản trị chiến lược toàn cầu <i>Global Strategic Management</i>	3	45	45	0
3	IB3111	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3	45	45	0
4	IB3112	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	45	45	0
5	IB4113	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3	45	45	0
6	IB4114	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	45	45	0
7	IB3115	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	45	45	0
Học phần tự chọn (2 học phần – 6 tín chỉ) <i>Elective courses (2 courses - 6 credits)</i>			6			
1	IB3016	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	45	45	0
2	IB3017	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	45	45	0

3	IB3018	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	45	45	0
4	IB4019	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	45	45	0
5	IB4020	Quản trị đa văn hóa <i>Cross-Cultural Management</i>	3	45	45	0
KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (Chọn 1 trong 4 hướng) <i>Graduation Requirement Courses (Select 1 of 4 Pathways)</i>			10			
Hướng 1: Khóa luận tốt nghiệp <i>Pathway 1: Undergraduate Thesis</i>						
1	IB4121	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	10			
Hướng 2: Khóa luận tốt nghiệp và Thực tập tốt nghiệp <i>Pathway 2: Undergraduate Thesis and Internship</i>						
1	IB4122	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	6			
2	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4			
Hướng 3: Thực tập tốt nghiệp và Tiểu luận tốt nghiệp và 01 học phần thay thế <i>Pathway 3: Internship, Graduation Paper, and One Replacement Course</i>						
1	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4			
2	IB4124	Tiểu luận tốt nghiệp <i>Graduation essay</i>	4			
01 học phần thay thế (1 học phần - 2 tín chỉ) <i>01 Substitute Course (2 credits)</i>						
1	IB4025	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>International Business Strategy</i>	2	30	30	0
2	IB4026	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững	2	30	30	0

		<i>International Business and Sustainable Development</i>				
Hướng 4: Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc có báo cáo trước Hội đồng đánh giá) Pathway 4: Graduation Internship (mandatory report to the Evaluation Committee)						
1	IB4127	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	10			
Tổng cộng			10			
TỔNG SỐ:			130			
	Tổng số tín chỉ bắt buộc		124			
	Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu		6			

11.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Được xây dựng vào đầu năm của mỗi năm học để người học đăng ký:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
Học kỳ 1						
1	MACL1101	Triết học Mác – Lênin <i>Principles of Marxism-Leninism</i>	3	45	45	0
2	GEN1101	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of law</i>	2	30	30	0
3	ESL1101	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4	60	60	0
4	ESL1105*	Tiếng Anh tăng cường 1* <i>Intensive English 1*</i>	2	30	30	0
5	PHY1101*	Giáo dục thể chất 1* <i>Physical Education 1*</i>	1	15	0	15
6	GEN1102	Năng lực số <i>Digital Literacy</i>	2	30	30	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
7	BA1101	Nhập môn quản trị học <i>Introduction to Management</i>	3	45	45	0
8	GEN1105*	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2	30	30	0
9		Nhóm I: Văn minh nhân loại <i>Humanity Civilization courses</i>	3	45	45	0
Tổng cộng			17			
Học kỳ 2						
1	MACL1102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Political Economy Marx and Lenin</i>	2	30	30	0
2	MACL1104	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	30	0
3	ESL1102	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4	60	60	0
4	ESL1106*	Tiếng Anh tăng cường 2* <i>Intensive English 2*</i>	2	30	30	0
5	PHY1102*	Giáo dục thể chất 2* <i>Physical Education 2*</i>	1	15	0	15
6	BA1102	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	45	45	0
7	IB1104	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	45	45	0
8	GEN2104*	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo*	2	30	30	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
		<i>Entrepreneurship and Innovation*</i>				
9		Nhóm II: Văn hóa, văn học và nghệ thuật <i>Culture, Literature and Art</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			17			
Học kỳ hè						
1	GEN1103*	<i>Giáo dục quốc phòng – An ninh*</i> <i>National Defense & Security Education*</i>	8	120	0	120
Tổng cộng:			8			
Học kỳ 3						
1	MACL2104	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Thought</i>	2	30	30	0
2	ESL1103	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4	60	60	0
3	ESL1107*	Tiếng Anh tăng cường 3* <i>Intensive English 3*</i>	2	30	30	0
4	PHY2103*	Giáo dục thể chất 3* <i>Physical Education 3*</i>	1	15	0	15
5	BA2106	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	45	45	0
6	BA2105	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	45	45	0
7	IB2101	Kinh tế học quốc tế <i>International Economics</i>	3	45	45	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
8		Nhóm III: Tư duy và giao tiếp <i>Ideals and Communication courses</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			18			
Học kỳ 4						
1	MACL2105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Way of Vietnam Communist Party</i>	2	30	30	0
2	BA2103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	45	45	0
3	BA2104	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	3	45	45	0
4	BA2108	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	45	45	0
5	IB2106	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	45	45	0
6		Nhóm IV: Con người và trái đất <i>Human and Earth</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			17			
Học kỳ 5						
1	IB3115	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	45	45	0
2	IB3103	Hệ thống thông tin trong kinh doanh <i>Business Information System</i>	3	45	45	0
3	BA3107	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
		<i>Human Resource Management</i>				
4	IB3105	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	45	45	0
5		Nhóm V: Khoa học tự nhiên và công nghệ - <i>Natural Science and Technology courses</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			15			
Học kỳ 6						
1	IB3109	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	45	45	0
2	IB3111	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3	45	45	0
3	IB3112	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	45	45	0
4	IB3102	Quản trị Kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3	45	45	0
5		Nhóm VI: Kinh tế và quản lý <i>Economics and Management courses</i>	3	45	45	0
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)						
6	IB3016	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	45	45	0
7	IB3017	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	45	45	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
8	IB3018	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			18			
Học kỳ 7						
1	IB4110	Quản trị chiến lược toàn cầu <i>Global Strategic Management</i>	3	45	45	0
2	IB4113	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3	45	45	0
3	IB4107	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	45	45	0
4	IB4114	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	45	45	0
5	IB4108	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	45	45	0
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)						
6	IB4019	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	45	45	0
7	IB4020	Quản trị đa văn hóa <i>Multicultural Management</i>	3	45	45	0
Tổng cộng:			18			
Học kỳ 8						
KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (Chọn 1 trong 4 hướng)						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			TC	ST	LT	TH
Hướng 1: Khóa luận tốt nghiệp						
1	IB4121	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	10			
Hướng 2: Khóa luận tốt nghiệp và Thực tập tốt nghiệp						
1	IB4122	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	6			
2	IB4123	Thực tập tốt nghiệp Internship	4			
Hướng 3: Thực tập tốt nghiệp và Tiểu luận tốt nghiệp và 01 học phần thay thế						
1	IB4123	Thực tập tốt nghiệp Internship	4			
2	IB4124	Tiểu luận tốt nghiệp Graduation Essay	4			
1 học phần thay thế						
1	IB4025	Chiến lược kinh doanh quốc tế International Business Strategy	2	30	30	0
2	IB4026	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững International Business and Sustainable Development	2	30	30	0
Hướng 4: Thực tập tốt nghiệp						
1	IB4127	Thực tập tốt nghiệp Internship	10			
Tổng cộng			10			
TỔNG SỐ:			130			
	Tổng số tín chỉ bắt buộc		124			
	Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu		6			

11.3. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và các môn học

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education Courses</i>			15												
1	MACL1101	Triết học Mác – Lênin <i>Basic Principles of Marxism-Leninism</i>	3	2			3		3	3		3	2		
2	MACL1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economy Marx and Lenin</i>	2	2	3				3		3	3	2		
3	MACL1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2			3		3	3		3	2		
4	MACL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Thought</i>	2	2			3		3		3	3	2		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
5	MACL1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Way of Vietnam Communist Party</i>	2	2			3		3	3		3	2		
6	GEN1101	Pháp Luật đại cương <i>Fundamentals of law</i>	2	2	3				3	3		3	2		
7	GEN1102	Năng lực số <i>Digital Literacy</i>	2		2	3		3			3	3		2	
GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG AN NINH <i>Physical Education and National Defence</i>			11												
1	PHY1101*	Giáo dục thể chất 1* <i>Physical Education 1*</i>	1	2			3		3		3		3		3

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
2	PHY1102*	Giáo dục thể chất 2* <i>Physical Education 2*</i>	1	3			3		3		3		3		3
3	PHY1103*	Giáo dục thể chất 3* <i>Physical Education 3*</i>	1	2			3		3		3		3		3
4	GEN1103*	Giáo dục quốc phòng – An ninh* <i>National Defense & Security Education*</i>	8	3			3		3	3			3	3	
NGOẠI NGỮ <i>Foreign Languages</i>			12												
1	ESL1101	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4		2	3		3	3			3		2	
2	ESL1102	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4		2	3		3	3			3		2	

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
3	ESL1103	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4		2	3		3	3			3		2	
5	ESL1105*	Tiếng Anh tăng cường 1* <i>Intensive English 1*</i>	2		2	3		3	3			3		3	
6	ESL1106*	Tiếng Anh tăng cường 2* <i>Intensive English 2*</i>	2		2	3		3	3			3		3	
7	ESL1107*	Tiếng Anh tăng cường 3* <i>Intensive English 3*</i>	2		2	3		3	3			3		3	
KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC KHÔNG TÍNH TÍN CHỈ TỐT NGHIỆP			4												
1	GEN1105*	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2		3	3		3	3			3		3	
2	GEN2104*	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo*	2		3	3		3		3		3			3

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
		<i>Entrepreneurship and Innovation*</i>													
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NỀN TẢNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC KHAI PHÓNG <i>Foundational Liberal Education Program</i>			18												
Nhóm I: Văn minh nhân loại <i>Humanity Civilization courses</i>															
1	CIV1001	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	2			3		3	3		3	2		
2	CIV1002	Thời hiện đại <i>Modern World</i>	3	2			3		3	3		3	2		
Nhóm II: Văn hóa, văn học và nghệ thuật <i>Culture, Literature and Art</i>															
1	CLA1001	Nhập môn Văn hóa học	3	2			3		3	3		3	2		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
		<i>Introduction to Cultural Studies</i>													
2	CLA1002	Nghệ thuật đương đại <i>Contemporary Art</i>	3	2			3		3	3		3	2		
3	CLA1003	Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu <i>Vietnamese and other world classic cultures</i>	3	2			3		3	3		3	2		
4	CLA1004	Văn hóa và văn học <i>Culture and Literature</i>	3	2			3		3	3		3	2		
Nhóm III: Tư duy và giao tiếp <i>Ideals and Communication courses</i>															
1	CTC2001	Viết luận và ý tưởng <i>Writing and Ideas</i>	3		2	3			3	3		3	2		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
2	CTC2002	Nghệ thuật lãnh đạo và giao tiếp <i>Leadership and Communication</i>	3		2	3		3	3			3		2	
3	CTC2003	Ngôn ngữ và Tiếng Việt <i>Languages and Vietnamese</i>	3	2			3		3	3		3	2		
Nhóm IV: Con người và trái đất <i>Human and Earth</i>															
1	HUE2001	Con người và môi trường <i>Human and Environmental Interaction</i>	3	2			3		3		3	3	2		
2	HUE2002	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	3	2			3		3		3	3	2		
Nhóm V: Khoa học tự nhiên và công nghệ															

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
Natural Science and Technology courses															
1	NST3001	Toán đại cương Calculus I	3	3	3				3		3	3	2		
2	NST3002	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python Introduction to data science with Python	3		2	3		3			3	3		2	
3	NST3003	Thiết kế kỹ thuật Engineering Design	3		2	3		3			3	3		2	
Nhóm VI: Kinh tế và quản lý															
Economics and Management courses															
1	ECM3001	Nguyên lý Kinh tế học Principle of Economics	3	3	3				3		3	3	3		
2	ECM3002	Quản trị Văn phòng Administrative Office Management	3	3	3				3		3	3	3		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
3	ECM3003	Quản lý tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	3	3				3		3	3	3		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Major courses</i>															
Kiến thức cơ sở khối ngành <i>Disciplinary Foundation Courses</i>			24												
1	BA1101	Nhập môn quản trị học <i>Introduction to Management</i>	3	3	3				3	3		3	3		
2	BA1102	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	3	3				3		3	3	3		
3	BA2103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	3	3				3		3	3	3		
4	BA2106	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	3	3				3		3	3	3		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
5	BA2105	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	3	3				3	3		3	3		
6	BA3107	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	3	3				3	3		3	3		
7	BA2108	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3		3	3			3	3		3		3	
8	BA2104	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	3		3	3		3		3		3		3	
Kiến thức cơ sở ngành <i>Major Foundation Courses</i>			24												

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
1	IB2101	Kinh tế học quốc tế <i>International Economics</i>	3		3	3		3		3		3		3	
2	IB3102	Quản trị Kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3		3	3		3		3		3		3	
3	IB3103	Hệ thống thông tin trong kinh doanh <i>Business Information System</i>	3		3	3		3			3	3		3	
4	IB1104	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3		3	3		3		3		3		3	
5	IB3105	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	3	3				3		3	3	3		

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
6	IB2106	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	3	3				3		3	3	3		
7	IB4107	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3		3	3		3		3		3		3	
8	IB4108	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3		3	3		3		3		3		3	
Kiến thức chuyên ngành <i>Major Specialized Courses</i>			27												
Học phần bắt buộc <i>Compulsory Courses</i>			21												
1	IB3109	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3		3	3		3		3		3		3	
2	IB4110	Quản trị chiến lược toàn cầu	3		3	3		3		3		3		3	

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
		<i>Global Strategic Management</i>													
3	IB3111	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3		3	3		3		3		3		3	
4	IB3112	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3		3	3		3		3		3			3
5	IB4113	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3		3	3		3		3		3			3

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
6	IB4114	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3		3	3		3		3		3			3
7	IB3115	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3		3	3		3		3		3			3
Học phần tự chọn (2 học phần – 3 tín chỉ) <i>Elective courses (2 courses - 6 credits)</i>			6												
1	IB3016	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3		3	3		3		3		3		3	
2	IB3017	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3		3	3		3		3		3		3	
3	IB3018	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3		3	3		3			3	3		3	

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
4	IB4019	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	3	3			3		3		3			3
5	IB4020	Quản trị đa văn hóa <i>Cross-Cultural Management</i>	3		3	3		3		3		3			3
KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (Chọn 1 trong 4 hướng) <i>Graduation Requirement Courses (Select 1 of 4 Pathways)</i>			10												
Hướng 1: Khóa luận tốt nghiệp <i>Pathway 1: Undergraduate Thesis</i>															
1	IB4121	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	10		3	3		3		3		3			3
Hướng 2: Khóa luận tốt nghiệp và Thực tập tốt nghiệp															

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
Pathway 2: Undergraduate Thesis and Internship															
1	IB4122	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	6		3	3		3		3		3			3
2	IB4123	Thực tập tốt nghiệp Internship	4		3	3		3		3		3			3
Hướng 3: Thực tập tốt nghiệp và Tiểu luận tốt nghiệp và 01 học phần thay thế															
Pathway 3: Internship, Graduation Paper, and One Replacement Course															
1	IB4123	Thực tập tốt nghiệp Internship	4		3	3		3		3		3			3
2	IB4124	Tiểu luận tốt nghiệp Graduation essay	4		3	3		3		3		3			3
01 học phần thay thế (1 học phần - 2 tín chỉ)															
01 Substitute Course (2 credits)															

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12
1	IB4025	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>International Business Strategy</i>	2		3	3		3		3		3			3
2	IB4026	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững <i>International Business and Sustainable Development</i>	2	3	3			3		3		3			3
Hướng 4: Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc có báo cáo trước Hội đồng đánh giá)															
Pathway 4: Graduation Internship (mandatory report to the Evaluation Committee)															
1	IB4127	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	10		3	3		3		3		3			3
Tổng số			130												

12. Chiến lược, phương pháp giảng dạy - học tập và sự chuẩn bị của giảng viên

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường ĐHTT, xây dựng chiến lược giảng dạy và học tập dựa trên triết lý giáo dục khai phóng, chú trọng phát triển năng lực toàn diện của người học. Các chiến lược và phương pháp giảng dạy – học tập được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực kinh doanh quốc tế và phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

12.1. Chiến lược giảng dạy - học tập

- Lấy người học làm trung tâm: Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, tạo điều kiện để người học chủ động khám phá, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức trong các tình huống thực tiễn.
- Tăng cường tính ứng dụng và thực tiễn: Tích hợp tình huống kinh doanh thực tế (case study), mô phỏng (simulation), dự án học tập (project-based learning), và hoạt động thực tập tại doanh nghiệp vào chương trình học.
- Phát triển kỹ năng toàn diện: Kết hợp đào tạo kiến thức chuyên môn với các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp, kỹ năng số và ra quyết định.
- Học tập liên ngành và liên kết quốc tế: Khuyến khích người học tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, học phần liên ngành và các hoạt động nghiên cứu khoa học.

12.2. Phương pháp giảng dạy – học tập

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
1.	Dạy học trực tiếp	Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. <i>Các phương pháp giảng dạy này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching),</i>

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
		<i>thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)</i>
	Giải thích cụ thể (Explicit teaching)	Đây là phương pháp dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
	Thuyết giảng (Lecture)	Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. người học chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
	Tham luận (Guest lecture)	Theo phương pháp này, người học được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
2.	Dạy học gián tiếp	Dạy học gián tiếp là phương pháp dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với người học mà thay vào đó, người học được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
		<i>Các phương pháp giảng dạy này được áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).</i>
	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. người học có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
	Học theo tình huống (Case Study)	Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.
3.	Học trải nghiệm	Học trải nghiệm là dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm. <i>Các phương pháp dạy học này được áp dụng gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)</i>

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
	Mô hình (Models)	Là phương pháp dạy học trong đó, người học thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.
	Thực tập, thực tế (Field Trip)	Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp người học hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp người học hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.
4.	Dạy học tương tác	Đây là phương pháp dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn người học từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp người học đạt được mục tiêu dạy học. người học có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
		<i>Các phương pháp được áp dụng gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)</i>
	Tranh luận (Debates)	Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, người học hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.
	Thảo luận (Discussion)	Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.
	Học nhóm (Peer Learning)	Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.
5	Tự học	Phương pháp tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp người học tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của

Số TT	Phương pháp giảng dạy	
		họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. <i>Phương pháp dạy học này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).</i>
	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra.

12.3. Sự chuẩn bị của đội ngũ giảng viên

- Nâng cao năng lực chuyên môn và sư phạm: Giảng viên thường xuyên được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy đại học, kỹ năng nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.
- Kinh nghiệm thực tiễn: Đội ngũ giảng viên có nền tảng học thuật vững vàng và kinh nghiệm làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế, giúp kết nối lý thuyết với thực tiễn hiệu quả.
- Tham gia nghiên cứu và hợp tác doanh nghiệp: Giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tư vấn doanh nghiệp và các hoạt động hợp tác quốc tế để không ngừng cập nhật xu hướng mới trong ngành.

Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) với Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY - HỌC TẬP (TLMs)	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLOs)											
	PLO 1	PLO 2	PL O3	PLO 4	PL O5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PL O9	PL O10	PLO 11	PLO 12
1. Dạy học trực tiếp												
Giải thích cụ thể (Explicit teaching):	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Thuyết giảng (Lecture)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Tham luận (Guest lecture)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

2. Dạy học gián tiếp												
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Học theo tình huống (Case Study)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
3. Học trải nghiệm												
Mô hình (Models)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Thực tập, thực tế (Field Trip)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
4. Dạy học tương tác												
Tranh luận (Debates)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Thảo luận (Discussion)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Học nhóm (Peer Learning)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
5. Tự học												
Bài tập ở nhà (Work Assignment)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Ma trận Mối quan hệ giữa các môn học với Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education Courses</i>			15													
1	MACL1101	Triết học Mác – Lênin <i>Basic Principles of Marxism-Leninism</i>	3	X		X	X						X		X	X
2	MACL1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economy Marx and Lenin</i>	2	X		X	X						X		X	X
3	MACL1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	X		X	X						X		X	X
4	MACL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Thought</i>	2	X		X	X						X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
5	MACL1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Way of Vietnam Communist Party</i>	2	X		X	X						X		X	X
6	GEN1101	Pháp Luật đại cương <i>Fundamentals of law</i>	2	X		X	X						X		X	X
7	GEN1102	Năng lực số <i>Digital Literacy</i>	2	X									X		X	X
GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG AN NINH <i>Physical Education and National Defence</i>			11													
1	PHY1101*	Giáo dục thể chất 1* <i>Physical Education 1*</i>	1	X	X				X						X	

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
2	PHY1102*	Giáo dục thể chất 2* <i>Physical Education</i> 2*	1	X	X				X						X	
3	PHY1103*	Giáo dục thể chất 3* <i>Physical Education</i> 3*	1	X	X				X						X	
4	GEN1103*	Giáo dục quốc phòng – An ninh* <i>National Defense & Security Education*</i>	8	X	X				X						X	
NGOẠI NGỮ <i>Foreign Languages</i>			12													
1	ESL1101	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4	X		X							X	X	X	X
2	ESL1102	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4	X		X							X	X	X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
3	ESL1103	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4	X		X							X	X	X	X
5	ESL1105*	Tiếng Anh tăng cường 1* <i>Intensive English 1*</i>	2	X		X							X	X	X	X
6	ESL1106*	Tiếng Anh tăng cường 2* <i>Intensive English 2*</i>	2	X		X							X	X	X	X
7	ESL1107*	Tiếng Anh tăng cường 3* <i>Intensive English 3*</i>	2	X		X							X	X	X	X
KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC KHÔNG TÍNH TÍN CHỈ TỐT NGHIỆP <i>Compulsory Non-graduation-credit Courses</i>			4													

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
1	GEN1105*	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2	X		X						X	X	X		X
2	GEN2104*	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo* <i>Entrepreneurship and Innovation*</i>	2	X		X						X	X	X		X
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NỀN TẢNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC KHAI PHÓNG <i>Foundational Liberal Education Program</i>			18													
Nhóm I: Văn minh nhân loại <i>Humanity Civilization courses</i>																
1	CIV1001	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	X	X	X							X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
2	CIV1002	Thời hiện đại <i>Modern World</i>	3	X	X	X							X		X	X
Nhóm II: Văn hóa, văn học và nghệ thuật <i>Culture, Literature and Art</i>																
1	CLA1001	Nhập môn Văn hóa học <i>Introduction to Cultural Studies</i>	3	X	X	X							X		X	X
2	CLA1002	Nghệ thuật đương đại <i>Contemporary Art</i>	3	X	X	X							X		X	X
3	CLA1003	Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu <i>Vietnamese and other world classic cultures</i>	3	X	X	X							X		X	X
4	CLA1004	Văn hóa và văn học	3	X	X	X							X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
		<i>Culture and Literature</i>														
Nhóm III: Tư duy và giao tiếp <i>Ideals and Communication courses</i>																
1	CTC2001	Viết luận và ý tưởng <i>Writing and Ideas</i>	3	X									X		X	X
2	CTC2002	Nghệ thuật lãnh đạo và giao tiếp <i>Leadership and Communication</i>	3	X	X	X							X		X	X
3	CTC2003	Ngôn ngữ và Tiếng Việt <i>Languages and Vietnamese</i>	3	X									X		X	X
Nhóm IV: Con người và trái đất <i>Human and Earth</i>																
1	HUE2001	Con người và môi trường	3	X					X				X	X	X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
		<i>Human and Environmental Interaction</i>														
2	HUE2002	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	3	X					X				X	X	X	X
Nhóm V: Khoa học tự nhiên và công nghệ <i>Natural Science and Technology courses</i>																
1	NST3001	Toán đại cương <i>Calculus I</i>	3	X			X		X						X	X
2	NST3002	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python <i>Introduction to data science with Python</i>	3	X			X		X						X	X
3	NST3003	Thiết kế kỹ thuật <i>Engineering Design</i>	3	X									X		X	X
Nhóm VI: Kinh tế và quản lý <i>Economics and Management courses</i>																

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
1	ECM3001	Nguyên lý Kinh tế học <i>Principle of Economics</i>	3	X									X		X	X
2	ECM3002	Quản trị Văn phòng <i>Administrative Office Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
3	ECM3003	Quản lý tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Major courses</i>																
Kiến thức cơ sở khối ngành <i>Disciplinary Foundation Courses</i>			24													
1	BA1101	Nhập môn quản trị học <i>Introduction to Management</i>	3	X									X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
2	BA1102	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	X									X		X	X
3	BA2103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	X									X		X	X
4	BA2106	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	X									X		X	X
5	BA2105	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	X									X		X	X
6	BA3107	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
7	BA2108	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
8	BA2104	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X									X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
		Scientific Research Methods														
Kiến thức cơ sở ngành Major Foundation Courses			24													
1	IB2101	Kinh tế học quốc tế International Economics	3	X									X		X	X
2	IB3102	Quản trị Kinh doanh quốc tế International Business Management	3	X			X	X				X	X		X	X
3	IB3103	Hệ thống thông tin trong kinh doanh Business Information System	3	X									X		X	X
4	IB1104	Marketing căn bản Principles of Marketing	3	X			X	X				X	X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
5	IB3105	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
6	IB2106	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	X									X		X	X
7	IB4107	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	X			X		X						X	X
8	IB4108	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	X									X		X	X
Kiến thức chuyên ngành <i>Major Specialized Courses</i>			27													
Học phần bắt buộc <i>Compulsory Courses</i>			21													
1	IB3109	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	X			X	X				X	X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
2	IB4110	Quản trị chiến lược toàn cầu <i>Global Strategic Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
3	IB3111	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
4	IB3112	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
5	IB4113	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3	X			X	X				X	X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
6	IB4114	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
7	IB3115	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
Học phần tự chọn (2 học phần – 3 tín chỉ) <i>Elective courses (2 courses - 6 credits)</i>			6													
1	IB3016	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
2	IB3017	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	X									X		X	X
3	IB3018	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	X			X	X				X	X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
4	IB4019	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	X									X		X	X
5	IB4020	Quản trị đa văn hóa <i>Cross-Cultural Management</i>	3	X			X	X				X	X		X	X
KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (Chọn 1 trong 4 hướng) <i>Graduation Requirement Courses (Select 1 of 4 Pathways)</i>			10													
Hướng 1: Khóa luận tốt nghiệp <i>Pathway 1: Undergraduate Thesis</i>																
1	IB4121	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	10							X	X		X		X	
Hướng 2: Khóa luận tốt nghiệp và Thực tập tốt nghiệp <i>Pathway 2: Undergraduate Thesis and Internship</i>																

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
1	IB4122	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	6							X	X		X		X	
2	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4							X	X		X		X	
Hướng 3: Thực tập tốt nghiệp và Tiểu luận tốt nghiệp và 01 học phần thay thế <i>Pathway 3: Internship, Graduation Paper, and One Replacement Course</i>																
1	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4							X	X		X		X	
2	IB4124	Tiểu luận tốt nghiệp <i>Graduation essay</i>	4							X	X		X		X	
01 học phần thay thế (1 học phần - 2 tín chỉ) <i>01 Substitute Course (2 credits)</i>																
1	IB4025	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>International Business Strategy</i>	2	X									X		X	X

T T	Mã số	Môn học	Số TC	Chiến lược và phương pháp giảng dạy -học tập												
				Giải thích cụ thể Explicit Teaching	Thuyết giảng Lecture	Tham luận Guest Lecture	Câu hỏi gợi mở Inquiry	Giải quyết vấn đề Problem Solving	Học theo tình huống Case Study	Mô hình Models	Thực tập/Thực tế Field Trip	Nhóm nghiên cứu giảng dạy Teaching Research Team	Tranh luận Debate	Thảo luận Discussion	Học nhóm Peer Learning	Bài tập ở nhà Work Assignment
2	IB4026	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững <i>International Business and Sustainable Development</i>	2	X			X	X				X	X		X	X
Hướng 4: Thực tập tốt nghiệp (<i>bắt buộc có báo cáo trước Hội đồng đánh giá</i>) Pathway 4: Graduation Internship (<i>mandatory report to the Evaluation Committee</i>)																
1	IB4127	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	10							X	X		X		X	
Tổng số			130													

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

13.1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế tại Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Trường ĐHTT, phương pháp kiểm tra và đánh giá được thiết kế nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện và phản ánh đúng năng lực học tập, tư duy và kỹ năng thực hành của người học. Việc đánh giá dựa trên sự kết hợp giữa quá trình học tập liên tục và kết quả học phần cuối kỳ, với các hình thức cụ thể như sau:

Điểm chuyên cần:

- Thực hiện trong suốt quá trình học tập qua điểm danh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, thảo luận trên lớp, tiểu luận ngắn, và tham gia các hoạt động học thuật.
- Nhằm đánh giá mức độ tích cực, tinh thần học tập, khả năng tư duy và kỹ năng tương tác của người học.

Kiểm tra giữa kỳ:

- Có thể bao gồm bài kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), bài thuyết trình, phân tích tình huống (case study), hoặc dự án nhóm.
- Nhằm kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và giải quyết các vấn đề kinh doanh thực tế.

Thi cuối kỳ:

- Thực hiện thông qua bài thi viết, bài luận chuyên sâu, hoặc trình bày dự án (tùy đặc thù học phần).
- Nhằm đánh giá toàn diện kiến thức nền tảng, kỹ năng tư duy phản biện và khả năng tổng hợp – phân tích của người học.

Tất cả các bài kiểm tra được chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ, đảm bảo phù hợp với hệ thống tín chỉ và quy chuẩn đánh giá của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, các học phần đặc thù như thực tập, đề tài nghiên cứu, hoặc khóa luận tốt nghiệp sẽ được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn thông qua hình thức phản biện và bảo vệ trực tiếp.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT

Số TT	Phương pháp đánh giá	
1.	Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. <i>Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá quá trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)</i>
	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học cũng như những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.
	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.
	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	Trong một số học phần thuộc chương trình đào tạo, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp người học phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh

Số TT	Phương pháp đánh giá	
		giá cụ thể như Rubric 4.
2.	Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ. <i>Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)</i>
	Kiểm tra viết (Written Exam)	Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được

Số TT	Phương pháp đánh giá	
		thể hiện trong Rubric 5.
	Báo cáo (Written Report)	người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của người học, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.
	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).
	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

Ma trận Mối quan hệ giữ các môn học với phương pháp đánh giá:

T T	Mã số	Môn học	Số	Phương pháp đánh giá								
			TC	Đánh giá chuyên cần Attendance Check	Đánh giá bài tập Work Assignment	Đánh giá thuyết trình (tiền trình) Oral Presentation (Formative)	Kiểm tra viết Written Exam	Kiểm tra trắc nghiệm Multiple choice Exam	Bảo vệ và thi vấn đáp Oral Exam	Báo cáo Written Report	Đánh giá thuyết trình (định kỳ) Oral Presentation (Summative)	Đánh giá làm việc nhóm Teamwork/Peer Assessment
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG General Education Courses			15									
1	MACL1101	Triết học Mác – Lênin Basic Principles of Marxism-Leninism	3	X	X		X		X			
2	MACL1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economy Marx and Lenin	2	X	X		X		X			
3	MACL1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	X	X		X		X			
4	MACL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Thought	2	X	X		X		X			
5	MACL1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary Way of Vietnam Communist Party	2	X	X		X		X			
6	GEN1101	Pháp Luật đại cương	2	X	X		X		X			

		<i>Fundamentals of law</i>										
7	GEN1102	Năng lực số <i>Digital Literacy</i>	2	X	X		X					
GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG AN NINH <i>Physical Education and National Defence</i>			11									
1	PHY1101*	Giáo dục thể chất 1* <i>Physical Education 1*</i>	1	X	X			X				
2	PHY1102*	Giáo dục thể chất 2* <i>Physical Education 2*</i>	1	X	X			X				
3	PHY1103*	Giáo dục thể chất 3* <i>Physical Education 3*</i>	1	X	X			X				
4	GEN1103*	Giáo dục quốc phòng – An ninh* <i>National Defense & Security Education*</i>	8	X	X			X				
NGOẠI NGỮ <i>Foreign Languages</i>			12									
1	ESL1101	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4	X	X	X		X				X
2	ESL1102	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4	X	X	X		X				X
3	ESL1103	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4	X	X	X		X				X

5	ESL1105*	Tiếng Anh tăng cường 1* <i>Intensive English 1*</i>	2	X	X	X		X				X
6	ESL1106*	Tiếng Anh tăng cường 2* <i>Intensive English 2*</i>	2	X	X	X		X				X
7	ESL1107*	Tiếng Anh tăng cường 3* <i>Intensive English 3*</i>	2	X	X	X		X				X
KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC KHÔNG TÍNH TÍN CHỈ TỐT NGHIỆP <i>Compulsory Non-graduation-credit Courses</i>			4									
1	GEN1105*	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2	X	X	X						X
2	GEN2104*	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo* <i>Entrepreneurship and Innovation*</i>	2	X	X	X						X
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NỀN TẢNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC KHAI PHÓNG <i>Foundational Liberal Education Program</i>			18									
Nhóm I: Văn minh nhân loại <i>Humanity Civilization courses</i>												
1	CIV1001	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	X	X	X	X					
2	CIV1002	Thời hiện đại <i>Modern World</i>	3	X	X	X	X					
Nhóm II: Văn hóa, văn học và nghệ thuật												

Culture, Literature and Art												
1	CLA1001	Nhập môn Văn hóa học <i>Introduction to Cultural Studies</i>	3	X	X	X	X					
2	CLA1002	Nghệ thuật đương đại <i>Contemporary Art</i>	3	X	X	X	X					
3	CLA1003	Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu <i>Vietnamese and other world classic cultures</i>	3	X	X	X	X					
4	CLA1004	Văn hóa và văn học <i>Culture and Literature</i>	3	X	X	X	X					
Nhóm III: Tư duy và giao tiếp <i>Ideals and Communication courses</i>												
1	CTC2001	Viết luận và ý tưởng <i>Writing and Ideas</i>	3	X	X		X					
2	CTC2002	Nghệ thuật lãnh đạo và giao tiếp <i>Leadership and Communication</i>	3	X	X	X	X					
3	CTC2003	Ngôn ngữ và Tiếng Việt <i>Languages and Vietnamese</i>	3	X	X	X	X					
Nhóm IV: Con người và trái đất <i>Human and Earth</i>												

1	HUE2001	Con người và môi trường <i>Human and Environmental Interaction</i>	3	X	X		X					
2	HUE2002	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	3	X	X		X					
Nhóm V: Khoa học tự nhiên và công nghệ <i>Natural Science and Technology courses</i>												
1	NST3001	Toán đại cương <i>Calculus I</i>	3	X	X		X	X				
2	NST3002	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python <i>Introduction to data science with Python</i>	3	X	X		X	X				
3	NST3003	Thiết kế kỹ thuật <i>Engineering Design</i>	3	X	X		X					
Nhóm VI: Kinh tế và quản lý <i>Economics and Management courses</i>												
1	ECM3001	Nguyên lý Kinh tế học <i>Principle of Economics</i>	3	X	X		X					
2	ECM3002	Quản trị Văn phòng <i>Administrative Office Management</i>	3	X	X	X				X		X
3	ECM3003	Quản lý tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	X	X	X				X		X

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Major courses</i>												
Kiến thức cơ sở khối ngành <i>Disciplinary Foundation Courses</i>			24									
1	BA1101	Nhập môn quản trị học <i>Introduction to Management</i>	3	X	X		X					
2	BA1102	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	X	X		X					
3	BA2103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	X	X		X					
4	BA2106	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	X	X		X					
5	BA2105	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	X	X		X					
6	BA3107	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	X	X	X				X		X
7	BA2108	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	X	X	X				X		X
8	BA2104	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methods</i>	3	X	X		X					

Kiến thức cơ sở ngành <i>Major Foundation Courses</i>			24									
1	IB2101	Kinh tế học quốc tế <i>International Economics</i>	3	X	X		X					
2	IB3102	Quản trị Kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3	X	X	X				X		X
3	IB3103	Hệ thống thông tin trong kinh doanh <i>Business Information System</i>	3	X	X		X					
4	IB1104	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	X	X	X				X		X
5	IB3105	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	X	X	X				X		X
6	IB2106	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	X	X		X					
7	IB4107	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	X	X		X	X				
8	IB4108	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	X	X		X					
Kiến thức chuyên ngành <i>Major Specialized Courses</i>			27									
Học phần bắt buộc			21									

Compulsory Courses												
1	IB3109	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	X	X	X				X		X
2	IB4110	Quản trị chiến lược toàn cầu <i>Global Strategic Management</i>	3	X	X	X				X		X
3	IB3111	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3	X	X	X				X		X
4	IB3112	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	X	X	X				X		X
5	IB4113	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3	X	X	X				X		X
6	IB4114	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	X	X	X				X		X
7	IB3115	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	X	X	X				X		X
Học phần tự chọn (2 học phần – 3 tín chỉ)			6									

Elective courses (2 courses - 6 credits)												
1	IB3016	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	X	X	X				X		X
2	IB3017	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	X	X		X					
3	IB3018	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	X	X	X				X		X
4	IB4019	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	X	X		X					
5	IB4020	Quản trị đa văn hóa <i>Cross-Cultural Management</i>	3	X	X	X				X		X
KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP (Chọn 1 trong 4 hướng) <i>Graduation Requirement Courses (Select 1 of 4 Pathways)</i>			10									
Hướng 1: Khóa luận tốt nghiệp <i>Pathway 1: Undergraduate Thesis</i>												
1	IB4121	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	10					X	X		X	X
Hướng 2: Khóa luận tốt nghiệp và Thực tập tốt nghiệp <i>Pathway 2: Undergraduate Thesis and Internship</i>												
1	IB4122	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	6					X	X		X	X

2	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4					X	X		X	X
Hướng 3: Thực tập tốt nghiệp và Tiểu luận tốt nghiệp và 01 học phần thay thế Pathway 3: Internship, Graduation Paper, and One Replacement Course												
1	IB4123	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4					X	X		X	X
2	IB4124	Tiểu luận tốt nghiệp <i>Graduation essay</i>	4					X	X		X	X
01 học phần thay thế (1 học phần - 2 tín chỉ) 01 Substitute Course (2 credits)												
1	IB4025	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>International Business Strategy</i>	2	X	X		X					
2	IB4026	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững <i>International Business and Sustainable Development</i>	2	X	X	X				X		X
Hướng 4: Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc có báo cáo trước Hội đồng đánh giá) Pathway 4: Graduation Internship (mandatory report to the Evaluation Committee)												
1	IB4127	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	10						X	X	X	X
Tổng số			13 0									

Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, người học đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

a). Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Tỷ lệ
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên (Project Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Nhóm bị phá vỡ hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt.	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	20%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
				các nhóm.	của nhóm và giữa các nhóm.	
Nội dung theo tiến độ quy định	Không có nội dung tính toán.	Nội dung tính toán không đầy đủ (<50%), kết quả tính toán sai, trình tự các bước tính toán không hợp lý.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn.	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết quả tính toán đúng, có sử dụng phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý	Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết quả tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ.	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn về	Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng	Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú	15%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		thuyết minh không phù	kích	biểu đầy đủ, ít	thích trình bày khoa	

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng	30%

		yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

c) Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng	25%

			and conclusion)	thạo trong trình bày	đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

d) Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

đ) Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

e) Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 5: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời;	80%

				trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	
--	--	--	--	--	---	--

g) Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 6: Báo cáo (Written Report)

Rubric đánh giá tiểu luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Phối hợp và phân công nhóm	Không có sự phối hợp; thành viên không tham gia hoặc thiếu trách nhiệm.	Phối hợp yếu, vai trò không rõ ràng, một số thành viên không đóng góp.	Có sự phân công nhiệm vụ cơ bản, một số thành viên còn bị động.	Phối hợp tương đối tốt, vai trò phân chia rõ, đa số thành viên tích cực.	Phối hợp hiệu quả, các thành viên chủ động, hỗ trợ lẫn nhau, hoàn thành tốt vai trò.	30%
Nội dung học thuật	Sai hoàn toàn về nội dung, thiếu hiểu biết hoặc sao chép.	Nội dung yếu, thiếu dẫn chứng, không rõ ràng về lý thuyết.	Nội dung đúng, có liên hệ lý thuyết nhưng chưa sâu.	Nội dung rõ ràng, đúng trọng tâm, dẫn chứng tốt.	Nội dung xuất sắc, phản ánh hiểu biết sâu sắc, sáng tạo và logic.	40%

Hình thức trình bày	Không tuân thủ định dạng, lỗi trình bày nghiêm trọng.	Trình bày sơ sài, thiếu nhất quán, nhiều lỗi hình thức.	Trình bày đúng định dạng, còn một số lỗi nhỏ.	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, gần đạt chuẩn hoàn hảo.	Trình bày chuyên nghiệp, đẹp mắt, chuẩn học thuật.	20%
Tuân thủ thời hạn	Không nộp bài hoặc nộp trễ trên 1 tuần.	Nộp trễ 3-7 ngày không lý do chính đáng.	Nộp trễ dưới 3 ngày hoặc có lý do hợp lý.	Nộp đúng hạn, có sự chuẩn bị đầy đủ.	Nộp đúng hạn, hoàn thành trước thời hạn, thể hiện sự chủ động.	10%

Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Trình bày và kết cấu	Bài làm lộn xộn, không rõ bố cục, lỗi chính tả và trình bày nghiêm trọng.	Có bố cục nhưng thiếu logic, còn nhiều lỗi chính tả, hình thức chưa đạt yêu cầu.	Bài viết có bố cục rõ ràng, trình bày tương đối tốt, còn một số lỗi nhỏ.	Bố cục hợp lý, trình bày rõ ràng, hầu như không có lỗi hình thức.	Trình bày xuất sắc, bố cục chặt chẽ, rõ ràng, dễ theo dõi, không có lỗi chính tả hay hình thức.	50%

Nội dung học thuật	Nội dung sai lệch, thiếu hiểu biết, không có căn cứ học thuật.	Nội dung hạn chế, ít liên hệ lý thuyết, thiếu dẫn chứng.	Nội dung cơ bản đúng, có liên hệ lý thuyết nhưng chưa sâu.	Nội dung đúng, có phân tích, lập luận tốt, dẫn chứng phù hợp.	Nội dung sâu sắc, logic chặt chẽ, có sáng tạo, dẫn chứng học thuật phong phú.	30%
Tuân thủ thời hạn	Không nộp bài hoặc nộp trễ quá 1 tuần không lý do.	Nộp trễ 3-7 ngày không có lý do chính đáng.	Nộp trễ dưới 3 ngày hoặc có lý do hợp lý.	Nộp đúng hạn, có sự chuẩn bị tốt.	Nộp đúng hạn, hoàn thành sớm, thể hiện sự chủ động.	20%

h) Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp	30%

					tốt giữa các thành viên.	
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

13.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá:

Theo Quy chế đào tạo của Trường ĐHTT được thể hiện chi tiết tên Đề cương chi tiết học phần.

13.2.1. Các học phần lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

13.2.2. Các học phần thực hành:

- Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

13.2.3. Cách thức đánh giá:

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế Đào tạo đại học của Trường ĐHTT.

13.3. Thang điểm đánh giá

Theo Quy chế đào tạo của Trường ĐHTT.

a) Thống nhất thang điểm đánh giá học phần như sau:

TT	Thang 10	Điểm chữ	Thang 4
1	9.5 – 10.0	A+	4,0
2	9.0 – 9.4	A	4,0
3	8.5 – 8.9	A-	3,7
4	8.0 – 8.4	B+	3,3
5	7.5 – 7.9	B	3,0
6	7.0 – 7.4	B-	2,7
7	6.5 – 6.9	C+	2,3
8	6.0 – 6.4	C	2,0
9	5.5 – 5.9	C-	1,7
10	5.0 – 5.4	D+	1,3
11	4.0 – 4.9	D	1,0
12	0.0 – 3.9	F	0,0

- Học phần được xét tích lũy khi đạt điểm D trở lên.

- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ điểm đánh giá bộ phận

X - Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần

- Đối với những học phần được Hiệu trưởng cho phép chuyển điểm hoặc được đánh giá đầu học kỳ (nếu có), khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết sau điểm học phần.

- Đối với các học phần loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập thì sử dụng ký hiệu P cho điểm học tập từ 5,0 trở lên.

a) Việc xếp loại các mức điểm bên trên cũng được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Những học phần mà SV đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm F;

- Chuyển đổi từ mức đánh giá I, sau khi đã có các kết quả điểm đánh giá bộ phận mà trước đó SV được GV cho phép nợ;

- Chuyển đổi từ mức đánh giá X, sau khi nhận được kết quả thi kết thúc học phần.

b) Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài những trường hợp như đã quy định của Quy chế này, còn áp dụng cho trường hợp SV vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

c) Việc xếp loại theo mức đánh giá I được áp dụng cho các trường hợp:

- Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần, SV bị ốm hoặc bị tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi được Hiệu trưởng cho phép;

- SV không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì lý do khách quan và được Hiệu trưởng chấp thuận.

- Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trong học kỳ kế tiếp, SV nhận mức đánh giá I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp SV chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

d) Việc xếp loại theo mức đánh giá X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Quản lý đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của SV từ GV phụ trách học phần.

13.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với phương pháp kiểm tra, đánh giá

Phương pháp đánh giá	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PLO 11	PLO 12
Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)												
Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)												
Kiểm tra viết (Written Exam)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Báo cáo (Written Report)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

14. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Trường ĐHTT không ngừng triển khai các hoạt

động cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học đối với chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế. Các nội dung cải tiến được thực hiện định kỳ, có hệ thống, theo định hướng tiếp cận năng lực, lấy người học làm trung tâm và bám sát các tiêu chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế.

14.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy

- Ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực như học theo dự án (Problem Based Learning), học qua tình huống (case study), lớp học đảo ngược (flipped classroom), học tập trải nghiệm và mô phỏng thực tiễn.
- Tăng cường các hoạt động học nhóm, thuyết trình, phản biện và giải quyết vấn đề, nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện, làm việc nhóm và giao tiếp cho người học.
- Đảm bảo việc giảng dạy tích hợp kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp trong suốt quá trình học tập.

14.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

- Triển khai các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Moodle, Google Classroom trong giảng dạy và đánh giá.
- Ứng dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ học tập hiện đại như Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, cũng như các phần mềm tương tác trực tuyến (Mentimeter, Padlet, Kahoot, v.v.).
- Phát triển tài nguyên học liệu số, video bài giảng, ngân hàng đề thi, giúp người học dễ dàng tiếp cận kiến thức và tự học hiệu quả.

14.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

- Tổ chức các khóa tập huấn định kỳ về phương pháp giảng dạy, công nghệ giáo dục, xây dựng đề cương học phần theo chuẩn đầu ra và đánh giá theo chuẩn CDIO.
- Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, trao đổi học thuật và thực tế doanh nghiệp để cập nhật kiến thức chuyên môn và thực tiễn ngành nghề.
- Mở rộng hợp tác và mời giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia quốc tế, và doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hội thảo, phản biện và đánh giá khóa luận.

14.4. Chuẩn hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, tham chiếu chuẩn đầu ra AUN-QA, AACSB, và các chương trình đào tạo uy tín của các trường

đại học quốc tế.

- Tích hợp các nội dung như phát triển bền vững, quản trị đa văn hóa, chuyển đổi số và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp vào nội dung giảng dạy.
- Đảm bảo mỗi học phần có chuẩn đầu ra cụ thể, phương pháp giảng dạy – đánh giá phù hợp và tài liệu tham khảo cập nhật, đạt chuẩn quốc tế.

14.5. Gắn kết đào tạo với thực tiễn và quốc tế hóa hoạt động giảng dạy

- Phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức chương trình thực tập, kiến tập, seminar thực tế, tọa đàm nghề nghiệp, và tham quan học tập cho người học.
- Thiết lập các chương trình trao đổi người học, hợp tác học phần, lớp học quốc tế hoặc song ngữ với các trường đối tác từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, v.v.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi học thuật, và dự án cộng đồng nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học.

15. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

15.1. Thông tin tuyển sinh

Tất cả các đối tượng theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.

15.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học của Trường ĐHTT.

15.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học của Trường ĐHTT.

SV được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học tối thiểu đạt 2,0;
- Chuẩn đầu ra tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (GDQP-AN);
- Có giấy chứng nhận về Kỹ năng mềm do nhà trường cấp;
- Đạt yêu cầu về số giờ tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng theo quy định;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà trường;
- Thực hiện đăng ký xét tốt nghiệp theo quy định tại Phòng Quản lý đào tạo.

16. Các chương trình đào tạo đã đối sánh

Trong quá trình xây dựng chương trình, Trường Đại học Tân Tạo cũng đã tham khảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của một số trường Đại học ở trong nước như: Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Trường Đại học Ngoại thương và Trường Đại học Hoa Sen,... Trên cơ sở đó, chương trình đào tạo ngành Kinh doanh Quốc tế của Trường Đại học Tân Tạo được thiết kế bảo đảm tính kế thừa, cập nhật, đồng thời thể hiện sự khác biệt, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và điều kiện thực tiễn của nhà trường, hướng đến đáp ứng chuẩn đầu ra, nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

17. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

17.1. *Đội ngũ giảng viên*

Trình độ chuyên môn:

- Giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành phải có trình độ từ Thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành hoặc gần với chuyên ngành Kinh doanh quốc tế.

Kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn:

- Giảng viên cần có kinh nghiệm giảng dạy bậc đại học hoặc sau đại học từ 2 năm trở lên, đồng thời khuyến khích có kinh nghiệm làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Năng lực giảng dạy tiếng Anh:

- Giảng viên cần có trình độ tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên hoặc chứng chỉ tương đương.

Phát triển chuyên môn liên tục:

- Đội ngũ giảng viên cần tham gia các chương trình bồi dưỡng định kỳ về phương pháp giảng dạy đại học, công nghệ giáo dục, cập nhật kiến thức chuyên ngành và xu hướng toàn cầu trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

17.2. *Cơ sở vật chất*

Phòng học:

- Các phòng học đạt chuẩn với đầy đủ thiết bị giảng dạy hiện đại: máy chiếu, bảng tương tác, âm thanh – ánh sáng phù hợp, điều hòa không khí. Mỗi lớp học không quá 40 người học nhằm đảm bảo hiệu quả tương tác.

Phòng máy tính và internet:

- Trang bị phòng máy tính đạt chuẩn với cấu hình mạnh, kết nối internet tốc độ cao. Toàn

bộ khuôn viên có hệ thống Wifi phủ sóng ổn định để phục vụ học tập và nghiên cứu.

Thư viện:

- Thư viện có kho tài liệu phong phú với các sách, tạp chí chuyên ngành bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời, cung cấp quyền truy cập các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế (EBSCO, ProQuest, JSTOR, v.v.).

- Để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và NCKH cho giảng viên, người học ngành KDQT, Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình trang bị cơ sở vật chất như sau:

Bảng 1. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

TT	Danh mục Cơ sở vật chất	Số lượng	Lộ trình	Đơn vị thực hiện
1	Rà soát, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành máy tính	02 phòng	2026	- Phòng QL CSVC-TB - Ban CNTT
2	Bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí ngành KDQT	Theo Đề cương chi tiết học phần	2026	Ban Thư viện
3	Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo	Mua sắm thường xuyên, định kỳ	Hàng năm	- Ban Thư viện - Khoa KT-QTKD

Phòng học trực tuyến và hệ thống LMS:

- Trường trang bị hệ thống học tập trực tuyến (LMS) hỗ trợ tổ chức lớp học, quản lý bài tập, diễn đàn học tập và kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Phòng hội thảo, mô phỏng doanh nghiệp, phòng lab chuyên ngành:

- Đảm bảo có không gian tổ chức hội thảo học thuật, phòng mô phỏng hoạt động doanh nghiệp (Business Simulation Lab) và các mô hình thực hành giúp người học trải nghiệm thực tiễn.

Kết nối doanh nghiệp và cơ hội thực tập:

- Thiết lập mạng lưới hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để phục vụ thực

tập, học phần thực tế và các dự án.

18. Tóm tắt nội dung học phần

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
1	Triết học Mác – Lênin <i>Basic Principles of Marxism-Leninism</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin, giúp người học hình thành tư duy khoa học, phản biện và lập trường chính trị đúng đắn. Nội dung gồm các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử, vai trò của thực tiễn và ý thức xã hội trong phát triển. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội – kinh tế, vận dụng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán và thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường toàn cầu.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economy Marx and Lenin</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về các quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp người học hiểu rõ bản chất sản xuất hàng hóa, giá trị, tiền tệ, tư bản và vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nội dung tập trung	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			vào phân tích quan hệ sản xuất, cơ chế vận hành của chủ nghĩa tư bản và định hướng phát triển kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng tư duy kinh tế chính trị để phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội, giải quyết tình huống thực tiễn và định hướng phát triển doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Thought</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Nội dung gồm các quan điểm về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, nhà nước của dân, do dân, vì dân, đạo đức cách mạng, con người và đoàn kết dân tộc. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, công tác và định hướng phát triển cá nhân phù hợp với	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về chủ nghĩa xã hội khoa học – cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam. Nội dung gồm các vấn đề về bản chất, mục tiêu, động lực và con đường phát triển của CNXH; vai trò của giai cấp công nhân và nhà nước pháp quyền XHCN. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng lập trường, quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học vào học tập, công tác và định hướng phát triển bản thân phù hợp với yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Way of Vietnam Communist Party</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về quá trình hình thành, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng CNXH. Nội dung gồm các giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đổi mới và hội nhập quốc tế.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng nhận thức chính trị – lịch sử vào học tập, công tác và xây dựng thái độ sống tích cực, góp phần vào sự nghiệp phát triển và bảo vệ đất nước.	
6	Pháp Luật đại cương <i>Fundamentals of law</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, làm nền tảng cho việc học tập và làm việc trong môi trường kinh doanh có yếu tố pháp lý. Nội dung gồm các khái niệm pháp luật, cùng các ngành luật chủ yếu như dân sự, hình sự, lao động, hành chính và kinh doanh. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể đọc hiểu văn bản pháp luật, phân tích tình huống pháp lý và ứng xử phù hợp trước các vấn đề pháp lý cơ bản trong học tập, đời sống và công việc.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
7	Năng lực số Digital Literacy	2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng sử	Quy định trong đề cương chi

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			dụng máy tính trong học tập, nghiên cứu và làm việc. Nội dung gồm hệ điều hành, phần mềm văn phòng, ứng dụng internet, lưu trữ đám mây và bảo mật thông tin. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể sử dụng thành thạo các công cụ tin học cơ bản để xử lý dữ liệu, trình bày báo cáo, thiết kế nội dung trình chiếu và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.	tiết môn học
8	Tiếng Anh tổng quát 1 <i>English 1</i>	4	Học phần trang bị nền tảng tiếng Anh vững chắc, tập trung vào bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, giúp người học nâng cao khả năng giao tiếp trong các tình huống hàng ngày và môi trường học thuật. Nội dung gồm luyện phát âm, ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng viết cơ bản. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh, đọc hiểu và viết các văn bản đơn	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			giảm, tạo nền tảng cho việc học các học phần tiếng Anh chuyên ngành sau này.	
9	Tiếng Anh tổng quát 2 <i>English 2</i>	4	Học phần nối tiếp “Tiếng Anh tổng quát 1”, nhằm củng cố và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của người học. Nội dung tập trung phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống phức tạp hơn, mở rộng vốn từ vựng học thuật và cấu trúc ngữ pháp nâng cao. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11 . Sau khi hoàn tất, người học có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo hơn trong học tập, nghiên cứu và giao tiếp học thuật – quốc tế, tạo nền tảng để tiếp cận các môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
10	Tiếng Anh tổng quát 3 <i>English 3</i>	4	Học phần nối tiếp “Tiếng Anh tổng quát 2”, giúp người học đạt trình độ sử dụng tiếng Anh ở mức trung cấp khá. Nội dung tập trung phát triển kỹ năng tư duy phản biện và ngôn ngữ học thuật qua các chủ đề đa dạng, thực tiễn; rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên sâu, viết đoạn văn học	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			thuật, thuyết trình và tranh luận bằng tiếng Anh. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo hơn trong học tập chuyên ngành và làm việc trong môi trường quốc tế.	
11	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization history</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển và các thành tựu tiêu biểu về văn hóa, khoa học – kỹ thuật của các nền văn minh cổ – trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa) và phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu). Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển và tiến bộ của nhân loại, biết phân tích và vận dụng vào học tập, nghiên cứu và định hướng phát triển cá nhân.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
12	Thời hiện đại <i>Modern World</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử thế giới từ thời kỳ khám phá Thế giới mới và Cách mạng Hoa Kỳ đến	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			cuối thế kỷ 20. Nội dung gồm các biến động lớn như Cách mạng công nghiệp, chủ nghĩa đế quốc châu Âu, thương mại và toàn cầu hóa, hai cuộc chiến tranh thế giới, cùng sự trỗi dậy của các siêu cường như Liên Xô và thị trường châu Á. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích các sự kiện lịch sử quan trọng, đánh giá tác động của chúng đến thế giới đương đại và vận dụng hiểu biết lịch sử vào học tập, nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp.	
13	Nhập môn Văn hóa học <i>Introduction to Cultural Studies</i>	3	Học phần cung cấp các lý luận cơ bản về văn hóa học, gồm hệ thống khái niệm, cách nhận diện văn hóa, một số vấn đề tiêu biểu như triết lý âm dương, văn hóa biểu tượng, văn hóa biển đảo, văn hóa nước..., cùng những nét khái quát về văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới và văn hóa ứng dụng. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9,	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể hiểu cơ bản và toàn diện về văn hóa, biết phân tích, vận dụng kiến thức văn hóa vào học tập, nghiên cứu và phát triển bản thân trong môi trường đa văn hóa.	
14	Nghệ thuật đương đại <i>Contemporary Art</i>	3	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về nghệ thuật đương đại từ nửa sau thế kỷ 20 đến thế kỷ 21, trong bối cảnh toàn cầu hóa, đa dạng văn hóa và công nghệ. Nội dung giới thiệu các vật liệu, phương pháp, khái niệm và chủ đề mới thách thức ranh giới nghệ thuật truyền thống, phản ánh các vấn đề về bản sắc cá nhân, văn hóa, cộng đồng và quốc tịch. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích, đánh giá các hiện tượng nghệ thuật đương đại và vận dụng kiến thức để mở rộng tư duy sáng tạo, giao tiếp đa văn hóa và định hướng phát triển cá nhân.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
15	Văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa thế giới tiêu	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam (bản sắc, hệ giá trị, văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
	biểu <i>Vietnamese and other world classic cultures</i>		thực...) và một số nền văn hóa thế giới tiêu biểu như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể hiểu cơ bản về văn hóa Việt Nam và một số nền văn hóa tiêu biểu trên thế giới, biết vận dụng kiến thức văn hóa vào học tập, giao tiếp và làm việc trong môi trường đa văn hóa.	
16	Văn hóa và văn học <i>Culture and Literature</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa văn hóa và văn học, tập trung vào cách văn học phản ánh và kiến tạo giá trị văn hóa. Nội dung gồm các thể loại văn học tiêu biểu, biểu tượng văn hóa và bối cảnh lịch sử – xã hội của tác phẩm. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể đọc, phân tích và trình bày quan điểm về văn bản văn học từ góc nhìn văn hóa, góp phần hiểu sâu hơn đời sống tinh thần và tư tưởng của các nền văn hóa.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
17	Viết luận và ý tưởng <i>Writing and Ideas</i>	3	Học phần giúp người học phát triển khả năng tìm kiếm, đánh giá và phản hồi thông tin hiệu quả, đồng thời rèn luyện kỹ năng viết luận và diễn đạt lập luận logic. Nội dung tập trung vào cấu trúc lập luận, cách tránh lỗi tư duy và khai thác thông tin từ nhiều nguồn như báo chí, ấn phẩm, phim ảnh, bài giảng và phương tiện truyền thông. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể tư duy phản biện, phân tích và xây dựng lập luận logic, phục vụ học tập, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
18	Nghệ thuật lãnh đạo và giao tiếp <i>Leadership and Communication</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử, lý thuyết và thực tiễn các quan điểm lãnh đạo và giao tiếp, đồng thời hướng dẫn áp dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn. Nội dung gồm thảo luận tình huống, phân tích video – tài liệu, hoạt động team building và dự án dịch vụ cộng đồng.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11 . Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp và giải quyết vấn đề hiệu quả trong học tập, làm việc nhóm và hoạt động cộng đồng.	
19	Ngôn ngữ và Tiếng Việt <i>Languages and Vietnamese</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (nguồn gốc, bản chất, chức năng...) và những đặc trưng của tiếng Việt như ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào học tập, nghiên cứu và giao tiếp hiệu quả trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
20	Con người và môi trường <i>Human and Environmental Interaction</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa phát triển xã hội và khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhằm hình thành thái độ đúng đắn và ý thức bảo vệ môi trường. Nội dung gồm các vấn đề môi trường toàn cầu, ô nhiễm và các giải pháp xử lý hướng đến phát triển bền vững.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích các vấn đề môi trường, đề xuất giải pháp và vận dụng kiến thức để xây dựng lối sống thân thiện, có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.	
21	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hình thái khí hậu, nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, thách thức – cơ hội và tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và đời sống. Nội dung cũng đề cập các kế hoạch ứng phó của tổ chức quốc tế, quốc gia, khu vực và cách giáo dục kiến thức biến đổi khí hậu cho học sinh, sinh viên. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO4, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích tác động của biến đổi khí hậu, đề xuất giải pháp ứng phó và nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển bền vững.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
22	Toán đại cương <i>Calculus I</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về phép tính vi phân và tích phân của một	Quy định trong đề cương chi

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			biến, với trọng tâm là các ứng dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau. Đây là nền tảng cho các học phần tiếp theo trong toán học, kỹ thuật và khoa học xã hội. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng các khái niệm vi phân – tích phân để phân tích và giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	tiết môn học
23	Nhập môn khoa học dữ liệu với Python <i>Introduction to data science with Python</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lập trình và khoa học dữ liệu — lĩnh vực nghiên cứu các phương pháp, quy trình và hệ thống trích xuất tri thức từ dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định. Nội dung gồm các bước phân tích dữ liệu (tạo giả thuyết, thu thập, tiền xử lý, phân tích, đánh giá, dự đoán) cùng các khái niệm cơ bản về học máy, khai phá dữ liệu và thống kê. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể áp dụng quy trình phân tích dữ	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			liệu và thực hành xử lý bộ dữ liệu thực tế bằng Python phục vụ học tập và nghiên cứu.	
24	Thiết kế kỹ thuật <i>Engineering Design</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về quy trình thiết kế để giải quyết các vấn đề kỹ thuật cơ bản, gồm hình thành ý tưởng, xây dựng, thử nghiệm, đánh giá bản mẫu và hoàn thiện đồ án. Môn học được triển khai dưới hình thức dự án thực tế, yêu cầu sinh viên làm việc nhóm để tạo ra sản phẩm hữu ích từ ý tưởng đề xuất. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng quy trình thiết kế kỹ thuật, làm việc nhóm hiệu quả và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thực tiễn.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
25	Quản lý tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư và kiểm soát rủi ro tài chính cá nhân. Nội dung gồm lập ngân sách, quản lý nợ, sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm và các kênh đầu tư như tiết kiệm, chứng khoán, quỹ mở.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể xây dựng kế hoạch tài chính cá nhân, đưa ra quyết định tài chính hợp lý, nâng cao năng lực tự chủ và an toàn tài chính trong học tập và cuộc sống.	
26	Nguyên lý Kinh tế học <i>Principles of Economics</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cách nền kinh tế vận hành, gồm các nguyên lý nền tảng của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Nội dung đề cập cách cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ ra quyết định, cùng các vấn đề như cung – cầu, chi phí cơ hội, lạm phát, thất nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích hiện tượng kinh tế – xã hội và làm nền tảng cho các học phần kinh tế chuyên sâu hơn.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
27	Quản trị Văn phòng <i>Administrative</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý tài chính cá nhân, từ rà soát chi tiêu, sử dụng công cụ kiểm	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
	<i>Office Management</i>		soát dòng tiền đến lập mục tiêu tài chính ngắn, trung và dài hạn. Nội dung kết hợp lý thuyết với thực hành qua việc xây dựng lộ trình đạt mục tiêu tài chính cá nhân. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể lập kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả, ra quyết định tài chính hợp lý và nâng cao năng lực tự chủ trong học tập, công việc và cuộc sống.	
28	Nhập môn quản trị học <i>Introduction to Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chức năng và vai trò của quản trị trong tổ chức hiện đại. Nội dung gồm các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát và các yếu tố ảnh hưởng như văn hóa, đạo đức, toàn cầu hóa. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích tình huống quản trị, đề xuất giải pháp phù hợp và vận dụng kiến thức quản trị vào thực tiễn, tạo nền tảng cho các học phần chuyên sâu sau này.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
29	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hành vi kinh tế của cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Nội dung gồm lý thuyết cung – cầu, co giãn, hành vi tiêu dùng, chi phí sản xuất, cấu trúc thị trường và vai trò của chính phủ trong điều tiết thị trường. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích biểu đồ, áp dụng mô hình và kiến thức kinh tế vi mô để đánh giá các tình huống kinh tế thực tiễn ở cấp độ doanh nghiệp và người tiêu dùng.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
30	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các biến số kinh tế tổng thể và cách thức vận hành của nền kinh tế ở cấp quốc gia. Nội dung gồm GDP, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích dữ liệu kinh tế, vận	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			dụng mô hình kinh tế vĩ mô để đánh giá tình hình kinh tế quốc gia trong bối cảnh hội nhập và biến động toàn cầu.	
31	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình và kỹ thuật ghi chép kế toán trong doanh nghiệp. Nội dung gồm các khái niệm kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ, định khoản, sổ sách và lập báo cáo tài chính đơn giản. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể thực hiện các công việc kế toán cơ bản, trình bày thông tin tài chính theo chuẩn mực và hỗ trợ quản lý tài chính, ra quyết định trong doanh nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
32	Luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Nội dung gồm pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng thương mại, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích tình huống pháp lý, soạn thảo hợp đồng và áp dụng quy định pháp luật để nhận diện rủi ro, đảm bảo tuân thủ và ra quyết định phù hợp trong kinh doanh.	
33	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Nội dung gồm hoạch định nhân sự, tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá hiệu quả công việc, quản lý tiền lương và quan hệ lao động. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO7, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích tình huống nhân sự, xây dựng bản mô tả công việc và áp dụng kiến thức để xử lý các vấn đề nhân sự cơ bản, hỗ trợ xây dựng hệ thống quản trị nhân lực hiệu quả.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
34	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, quy trình và công cụ trong quản trị dự án. Nội dung gồm khởi tạo, lập kế hoạch, tổ chức	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			thực hiện, giám sát và kết thúc dự án; quản lý phạm vi, thời gian, chi phí, chất lượng, rủi ro và nhân sự. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO6, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể xây dựng kế hoạch, phân tích tình huống và áp dụng kiến thức để triển khai, kiểm soát dự án hiệu quả trong môi trường học tập và nghề nghiệp.	
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methods</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh, từ xác định vấn đề, xây dựng mô hình giả thuyết, thiết kế bảng hỏi đến thu thập, phân tích và trình bày dữ liệu bằng các phương pháp định tính – định lượng. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể thiết kế đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu để giải quyết vấn đề thực tiễn và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
36	Kinh tế học quốc tế <i>International Economics</i>	3	Học phần nghiên cứu các quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trong nền kinh tế mở và hội nhập, gồm di chuyển hàng hóa, dịch vụ, tài chính – tiền tệ và các chính sách điều tiết. Nội dung giúp người học phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế hiện đại trong bối cảnh toàn cầu. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11 . Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng kiến thức để phân tích và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế, đưa ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển kinh tế đối ngoại.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
37	Quản trị kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập, gồm thương mại hàng hóa – dịch vụ, đầu tư, tài chính và tiền tệ. Nội dung đề cập nguồn gốc và lợi ích của mậu dịch quốc tế, công cụ chính sách thương mại, hợp đồng và tập quán thương mại quốc tế, vai trò của FDI và chiến lược thu hút FDI của Việt Nam, các hình thức kinh doanh tài chính – tiền	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			tệ quốc tế và chiến lược kinh doanh toàn cầu. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích, đánh giá các vấn đề trong kinh doanh quốc tế, vận dụng kiến thức để tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh toàn cầu hiệu quả.	
38	Hệ thống thông tin trong kinh doanh <i>Business Information System</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò của hệ thống thông tin trong quản trị và phát triển doanh nghiệp. Nội dung tập trung vào việc thu thập, phân loại, xử lý và khai thác dữ liệu trong hoạt động kinh doanh, cũng như cách ứng dụng các hệ thống thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý và ra quyết định. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể ứng dụng hệ thống thông tin trong quản trị doanh nghiệp, phân tích dữ liệu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
39	Marketing căn bản <i>Principles of</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và ứng	Quy định trong đề cương chi

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
	<i>Marketing</i>		dụng trong thực tiễn doanh nghiệp. Nội dung gồm hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường và thị trường, nhu cầu và hành vi khách hàng, phương pháp nghiên cứu, cùng các chiến lược thị trường, chính sách Marketing cơ bản và tổ chức quản trị Marketing trong doanh nghiệp. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích thị trường, nhận diện hành vi khách hàng, xây dựng và vận dụng các chính sách Marketing hiệu quả trong kinh doanh.	tiết môn học
40	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định tài chính của doanh nghiệp. Nội dung gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10 . Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng các công cụ tài chính để đánh giá tình huống, đưa ra quyết	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			định hợp lý và hỗ trợ quản trị tài chính trong doanh nghiệp.	
41	Thống kê trong kinh doanh <i>Business Statistics</i>	3	Học phần cung cấp cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu – phương pháp phổ biến trong khảo sát dữ liệu kinh tế và xã hội, cùng các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Nội dung hướng đến việc vận dụng lý thuyết thống kê để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO6, PLO8, PLO9, PLO10. Sau khi hoàn tất, người học có thể thiết kế khảo sát, xử lý dữ liệu và áp dụng các phương pháp thống kê để phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận khoa học cho các vấn đề thực tiễn.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
42	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật và kinh tế của mô hình. Nội dung trang bị cho người học cách vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế và kinh doanh quốc tế cơ	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			bản, trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dụng và cơ sở dữ liệu Việt Nam. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể xây dựng, ước lượng và phân tích mô hình hồi quy, đồng thời vận dụng kết quả định lượng để đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế – kinh doanh trong thực tiễn.	
43	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ thanh toán trong giao dịch quốc tế. Nội dung gồm tỷ giá hối đoái, các loại tiền tệ, phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế phổ biến, cùng các tiêu chuẩn ngân hàng quốc tế trong soạn thảo và kiểm tra chứng từ thanh toán. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng kiến thức để lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp, xử lý chứng từ và đảm bảo an toàn trong giao dịch thương mại quốc tế.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
44	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	Học phần cung cấp khái niệm và công cụ để phân tích chiến lược marketing quốc tế và đánh giá thị trường nước ngoài. Nội dung tập trung vào kỹ năng nghiên cứu marketing để phát triển, triển khai và đánh giá kế hoạch marketing quốc tế ở cấp độ doanh nghiệp, quốc gia và khu vực dựa trên mô hình 7P. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích thị trường quốc tế, xây dựng và vận dụng kế hoạch marketing phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
45	Quản trị chiến lược toàn cầu <i>Global Strategic Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về nguyên lý quản trị chiến lược và cách vận dụng vào doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu. Nội dung gồm khái niệm chiến lược, mô hình quản trị chiến lược với các bước hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá – kiểm soát và điều chỉnh; đồng thời nhấn mạnh phân tích, so sánh và áp dụng chiến lược trong môi trường quốc tế đa văn hóa, đa thị trường.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phát triển tư duy chiến lược toàn cầu, phân tích và ra quyết định phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.	
46	Thị trường tài chính thế giới <i>World Financial Market</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về sự hình thành, phát triển và vận hành của các thị trường tài chính quốc tế, gồm thị trường nợ, thị trường vốn cổ phần và thị trường phái sinh. Nội dung giải thích sự tồn tại và đặc điểm của từng loại thị trường dựa trên chứng khoán được giao dịch và vai trò tham gia của các định chế tài chính. Đồng thời, học phần giới thiệu các dịch vụ tài chính hiện đại như ngân hàng, quản lý quỹ và bảo hiểm. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích đặc điểm các thị trường tài chính quốc tế, đánh giá vai trò của định chế tài chính và vận dụng kiến thức để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư toàn cầu.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
47	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	Học phần cung cấp cách tiếp cận thống nhất để quản lý và đánh giá chuỗi và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Nội dung gồm xây dựng hệ thống cung ứng phục vụ hoạt động sản xuất với tầm nhìn toàn cầu, khai thác lợi thế so sánh giữa các quốc gia, cùng các phương pháp đánh giá tiềm năng lợi nhuận và khả năng tham gia vào các phân khúc sản xuất quốc tế. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12 . Sau khi hoàn tất, người học có thể thiết kế, tổ chức và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu hiệu quả, đồng thời phát triển năng lực phân tích, ra quyết định chiến lược trong môi trường sản xuất quốc tế.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
48	Logistics, Vận tải và Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế <i>Logistics, Transportation and Insurance in International Business</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về nghiệp vụ tổ chức giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng container, vận tải đa phương thức cùng các chứng từ vận chuyển như vận đơn đường biển, hàng không, đường bộ, đường sắt và vận đơn đa phương thức. Nội dung còn đề cập đến việc sử dụng chứng từ trong giao	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			nhận, mua bán quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, cũng như các quy định pháp luật quốc tế và quốc gia liên quan. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể tổ chức và quản lý hoạt động logistics quốc tế, xử lý chứng từ vận tải, áp dụng quy định pháp lý và đảm bảo hiệu quả trong vận chuyển hàng hóa toàn cầu.	
49	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	Học phần cung cấp khung lý thuyết, công cụ hoạch định và chiến lược đầu tư quốc tế, giúp người học tìm hiểu môi trường đầu tư toàn cầu và các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư. Nội dung tập trung vào lý thuyết nền tảng, phân tích tình huống và thực tiễn hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp quốc tế. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng lý thuyết và công cụ để phân tích, đánh giá và hoạch định	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			hoạt động đầu tư quốc tế, hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh toàn cầu.	
50	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về các nguyên lý, chính sách và hoạt động thương mại quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nội dung gồm lý thuyết thương mại, cơ chế vận hành thị trường quốc tế, vai trò của các tổ chức kinh tế toàn cầu và tác động của thương mại quốc tế đến nền kinh tế trong nước. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích, đánh giá các vấn đề thương mại quốc tế và vận dụng kiến thức để hoạch định chiến lược, tham gia hoạt động kinh doanh hiệu quả trong môi trường toàn cầu.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
51	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu Marketing trước khi xây dựng kế hoạch cho sản phẩm/dịch vụ. Nội dung gồm các bước thu thập, phân tích dữ liệu về thị trường, khách hàng mục tiêu và đối thủ cạnh tranh, nhằm xác định nhu	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			cầu và hành vi khách hàng cũng như vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng các phương pháp nghiên cứu Marketing để đánh giá thị trường, xác định khách hàng mục tiêu và đề xuất chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp.	
52	Phân tích trong kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	Học phần trang bị các phương pháp luận và kỹ thuật cần thiết để phân tích toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc từng lĩnh vực cụ thể như tài chính, tiêu thụ sản phẩm... Nội dung hướng đến việc rèn luyện năng lực đánh giá hiệu quả kinh doanh và đề xuất giải pháp quản trị. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng công cụ phân tích để đánh giá tình hình kinh doanh, nhận diện vấn đề và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
53	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh trên Internet, gồm các loại hình kinh doanh trực tuyến, điều kiện cần thiết để triển khai và những yếu tố pháp lý, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến hoạt động này. Nội dung giúp người học hiểu cách thức tổ chức, vận hành và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh điện tử. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể nhận diện cơ hội, xây dựng và triển khai mô hình kinh doanh trực tuyến phù hợp, đồng thời đảm bảo tuân thủ pháp lý và nâng cao hiệu quả trong môi trường số.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
54	Phát triển bền vững trong kinh doanh <i>Sustainability in Business</i>	3	Học phần cung cấp khái niệm và kiến thức cơ bản về kinh doanh bền vững – một lĩnh vực liên ngành kết hợp kinh tế, kinh doanh, chính sách và khoa học môi trường. Nội dung giúp người học hiểu xu thế phát triển bền vững trong kinh doanh hiện đại, xem đây vừa là yêu cầu trách nhiệm xã hội	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			vừa là cách nâng cao hiệu quả, giảm chi phí và tạo lợi thế cạnh tranh. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường, đề xuất giải pháp phát triển bền vững và vận dụng kiến thức để xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với xu thế toàn cầu.	
55	Quản trị đa văn hóa <i>Multicultural Management</i>	3	Học phần cung cấp kiến thức về văn hóa và sự khác biệt văn hóa trong môi trường toàn cầu, giúp người học nhận diện, so sánh văn hóa và hiểu tác động của chúng đến quyết định quản trị. Nội dung gồm văn hóa tổ chức, ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến truyền thông, đàm phán, hành vi tổ chức, quản trị nhân sự và marketing trong môi trường đa văn hóa. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích thách thức và cơ hội trong quản trị đa văn hóa, vận dụng kỹ năng giao tiếp – đàm phán để đưa	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			ra quyết định phù hợp trong môi trường kinh doanh quốc tế.	
56	Kỹ năng mềm* <i>Soft Skills*</i>	2	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản phục vụ học tập, nghề nghiệp và cuộc sống, gồm giao tiếp, đàm phán, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch và tổ chức công việc. Nội dung còn bao gồm kỹ năng thuyết trình, thiết kế CV, phỏng vấn – chinh phục nhà tuyển dụng, kỹ năng lãnh đạo và đàm phán. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11. Sau khi hoàn tất, người học có thể vận dụng thành thạo kỹ năng mềm trong học tập, công việc và phát triển cá nhân, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm và khả năng thích ứng trong môi trường học thuật – nghề nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
57	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo* <i>Entrepreneurship and Innovation*</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về quá trình khởi tạo doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Nội dung gồm tổng quan về khởi nghiệp, phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội thị trường, các vấn đề	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			pháp lý, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn đầu. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có thể xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời phát triển năng lực đổi mới để thích ứng và cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện đại.	
58	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	10	Học phần giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực đào tạo. Nội dung tập trung vào việc xây dựng đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày học thuật. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12. Sau khi hoàn tất, người học có khả năng nghiên cứu độc lập, vận dụng phương pháp khoa học để giải quyết vấn đề thực tiễn và phát triển năng lực chuyên môn, tạo nền tảng	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			cho nghề nghiệp hoặc học tập ở bậc cao hơn.	
59	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	4	Học phần tạo điều kiện cho người học tiếp cận thực tiễn công việc, áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào môi trường làm việc thực tế. Qua quá trình thực tập, người học được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao khả năng thích nghi, giao tiếp và giải quyết vấn đề trong tổ chức. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12 . Sau khi hoàn tất, người học có thể tích lũy kinh nghiệm thực tế, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và định hướng rõ hơn cho con đường sự nghiệp sau khi tốt nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
60	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>International Business Strategy</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nội dung gồm các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế như văn hóa, chính trị, pháp luật, cạnh tranh toàn cầu, cùng các phương pháp phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

TT	Tên học phần	Số TC	Mục đích học phần	Phương pháp đánh giá người học
			Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, ra quyết định chiến lược và phát triển năng lực thích ứng trong thị trường toàn cầu biến động.	
61	Kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững <i>International Business and Sustainable Development</i>	2	Học phần cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa hoạt động kinh doanh toàn cầu và các mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung giúp người học hiểu cách doanh nghiệp kết hợp hiệu quả giữa mục tiêu kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO2, PLO5, PLO7, PLO9, PLO12 . Sau khi hoàn tất, người học có thể phân tích, vận dụng và đề xuất giải pháp kinh doanh gắn với phát triển bền vững, đồng thời phát triển tư duy toàn diện và đạo đức nghề nghiệp để đóng góp cho doanh nghiệp và cộng đồng toàn cầu.	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

PHẦN II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Các môn học chung

Bắt buộc do Bộ Giáo dục & Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- 01 tín chỉ được tính tương đương 45 giờ bao gồm: tối thiểu bằng 15 giờ lý thuyết; 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thảo luận, thực tập tại các phòng thí nghiệm và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45-50 giờ thực tập tại cơ sở thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn và giờ kiểm tra đánh giá, thi và trả bài thi kiểm tra kết thúc học phần.

- Được thể hiện cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm và đề cương chi tiết từng môn học được Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu mỗi khóa học.

3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, học phần

Theo quy chế đào tạo được Nhà trường quy định.

4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

SV được Trường xét tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Điểm của các học phần thuộc ngành đào tạo chính được quy định trong chương trình phải đạt từ 6,0 trở lên;
- Chuẩn đầu ra tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (GDQP-AN)
- Có giấy chứng nhận về Kỹ năng mềm do nhà trường cấp;
- Đạt yêu cầu về số giờ tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng theo quy định;

4.2. Công nhận tốt nghiệp

SV được Trường công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng tất cả các tiêu chí xét tốt nghiệp với điều kiện sau:

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà trường;
- Thực hiện đăng ký xét tốt nghiệp theo quy định tại Phòng Quản lý đào tạo.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

5. Các chú ý khác:

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Mai Lâm

K.T. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT



Lê Phú Nguyễn Hải

KT. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Dương Hoài An